



**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**BÁO CÁO**

**THỰC THI CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ  
VỀ CÁC QUYỀN DÂN SỰ VÀ CHÍNH TRỊ LẦN THỨ 4**

**Giai đoạn 2019 – 2022**

**BẢN DỊCH KHÔNG CHÍNH THỨC**

**Hà Nội, tháng 3 năm 2023**

## MỤC LỤC

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG.....	4
Hệ thống các cơ quan nhà nước .....	4
Khuôn khổ pháp luật về bảo vệ quyền con người ở phạm vi quốc gia.....	4
Thực hiện cam kết quốc tế về quyền con người .....	5
Thách thức đối với việc thực thi Công ước ICCPR và một số giải pháp để vượt qua đại dịch COVID-19 .....	6
Quy trình soạn thảo Báo cáo .....	8
PHẦN II: BÁO CÁO VỀ CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ .....	9
Điều 1 .....	9
Điều 2, 26 và các Đoạn số 6, 8, 14, 18 Khuyến nghị .....	9
Điều 3 và các Đoạn số 20, 22 Khuyến nghị .....	13
Điều 4 và các Đoạn số 10, 12 Khuyến nghị.....	18
Điều 6, Đoạn số 24 Khuyến nghị và Báo cáo CCPR/C/136/2/Add.4.....	19
Điều 7 và Đoạn số 28 Khuyến nghị .....	21
Điều 8 và Đoạn số 40 Khuyến nghị .....	22
Điều 9 và Đoạn số 26, 32 Khuyến nghị .....	24
Điều 10 và Đoạn số 30 Khuyến nghị .....	27
Điều 11 .....	29
Điều 12 và Đoạn số 42 Khuyến nghị .....	30
Điều 13 .....	31
Điều 14 và các Đoạn số 34, 36 Khuyến nghị.....	31
Điều 15 .....	34
Điều 16 .....	34
Điều 17 .....	35
Điều 18 và Đoạn số 44 Khuyến nghị .....	35
Điều 19, 20, các Đoạn số 46, 52 Khuyến nghị và Báo cáo CCPR/C/136/2/Add.4.....	37
Điều 21 và Đoạn số 48 Khuyến nghị .....	40
Điều 22 và Đoạn số 50 Khuyến nghị .....	41
Điều 23 .....	42
Điều 24 và Đoạn số 38 Khuyến nghị .....	43
Điều 25 và Đoạn số 54 Khuyến nghị .....	44
Điều 27 và Đoạn số 56 Khuyến nghị .....	46

**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

<b>STT</b>	<b>Chữ viết tắt</b>	<b>Chữ viết đầy đủ</b>
1.	BLDS	Bộ luật Dân sự năm 2015
2.	BLHS	Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)
3.	BLLĐ	Bộ luật Lao động năm 2019
4.	BLTTDS	Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015
5.	BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)
6.	Công ước CAT	Công ước của Liên hợp quốc về Chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm
7.	Công ước CEDAW	Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ
8.	Công ước CERD	Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc
9.	Công ước CRC	Công ước về quyền trẻ em
10.	Công ước CRPD	Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật
11.	Công ước ICCPR	Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị
12.	Cơ chế UPR	Cơ chế rà soát định kỳ phổ quát của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc
13.	ILO	Tổ chức Lao động quốc tế
14.	IRZ	Quỹ Hợp tác Quốc tế về pháp luật Đức
15.	LHQ	Liên Hợp quốc
16.	LHNGĐ	Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014
17.	LPCBLGĐ	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022
18.	LTCVKSND	Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014
19.	LTGPL	Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017
20.	LTHAHS	Luật Thi hành án hình sự năm 2019
21.	LTHTGTG	Luật thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015
22.	LTNTG	Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016
23.	LXCNCDDVN	Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019
24.	LXLVPHC	Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020)
25.	NCTN	Người chưa thành niên
26.	PBGDPL	Phổ biến giáo dục pháp luật
27.	TAND	Tòa án nhân dân
28.	UBNQ	Ủy ban Nhân quyền
29.	UBTVQH	Ủy ban Thường vụ Quốc hội
30.	UNDP	Chương trình phát triển Liên hợp quốc
31.	VKSND	Viện Kiểm sát nhân dân

## LỜI GIỚI THIỆU

1. Báo cáo quốc gia thực thi Công ước ICCPR được xây dựng phù hợp với Điều 40 của Công ước ICCPR, bao gồm việc thực thi các điều khoản của Công ước từ tháng 01/2019 đến tháng 12/2022, tập trung vào các khuyến nghị của UBNQ sau khi xem xét Báo cáo quốc gia lần thứ ba thực thi Công ước ICCPR của Việt Nam (Báo cáo CCPR/C/VNM/2017/3) vào tháng 3/2019 và Báo cáo theo dõi việc thực hiện khuyến nghị của UBNQ (Báo cáo CCPR/C/136/2/Add.4). Báo cáo này được soạn thảo theo Tài liệu Hướng dẫn các quốc gia thành viên xây dựng Báo cáo theo quy định của Điều 40 Công ước ICCPR (Tài liệu CCPR/C/2009/1).

2. Để tạo thuận lợi cho việc xem xét, Báo cáo này dẫn chiếu đến Báo cáo CCPR/C/VNM/2017/3 và các Báo cáo quốc gia khác có liên quan (gồm Báo cáo quốc gia định kỳ ghép lần 5 và 6 về tình hình thực hiện Công ước CRC, Báo cáo quốc gia định kỳ lần thứ 9 về tình hình thực hiện Công ước CEDAW, Báo cáo quốc gia định kỳ ghép lần 15 đến 17 về tình hình thực hiện Công ước CERD, Báo cáo quốc gia thực thi Công ước CAT và Báo cáo quốc gia về thực hiện quyền con người ở Việt Nam theo Cơ chế UPR chu kỳ III...).

3. Báo cáo gồm Phần I “Các thông tin chung” và Phần II “Báo cáo về các quy định cụ thể”. Ngoài ra, Báo cáo gồm 05 Phụ lục, cụ thể như sau:

*Phụ lục 1:* Các Kế hoạch thực hiện Công ước ICCPR;

*Phụ lục 2:* Danh mục Luật, Nghị quyết của Quốc hội có liên quan (năm 2019-2022);

*Phụ lục 3:* Danh mục các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn tuyên truyền, phổ biến pháp luật về các quyền dân sự, chính trị (năm 2019-2022);

*Phụ lục 4:* Các chương trình mục tiêu quốc gia (năm 2021-2025);

*Phụ lục 5:* Thông tin về một số văn bản pháp luật trong lĩnh vực thông tin, truyền thông.

## **PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG**

4. Việt Nam là quốc gia thống nhất của 54 dân tộc, nằm tại Đông Nam Á, có diện tích 331.212 km<sup>2</sup>, 99,5 triệu dân (năm 2022) và được chia thành 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

### **Hệ thống các cơ quan nhà nước**

5. Hệ thống các cơ quan nhà nước của Việt Nam được quy định trong Hiến pháp, các luật và được nêu chi tiết tại các đoạn từ 5-13 Báo cáo CCPR/C/VNM/2017/3.

### **Khuôn khổ pháp luật về bảo vệ quyền con người ở phạm vi quốc gia**

6. Khuôn khổ pháp luật về quyền con người ở Việt Nam được đề cập chi tiết tại các đoạn từ 14-17 Báo cáo CCPR/C/VNM/2017/3. Quyền con người, quyền công dân luôn được ghi nhận trong các bản Hiến pháp - văn bản có hiệu lực pháp lý cao nhất trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam. Trên cơ sở các quy định của Hiến pháp năm 2013, nhiều luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có nội dung liên quan đến quyền con người, quyền công dân đã tiếp tục được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung... nhằm thúc đẩy và bảo vệ tốt hơn nữa các quyền này.

7. Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Theo đó, mục tiêu cụ thể đến năm 2030 là: hoàn thiện cơ bản các cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội. Hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, mở đường cho đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán. Hoàn thiện cơ chế phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, được kiểm soát hiệu quả. Tiếp tục đổi mới tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội; bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, nâng cao hiệu quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Hiến pháp. Hoàn thành cơ bản việc xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân,...

8. Trong giai đoạn từ tháng 01/2019 đến tháng 12/2022, Việt Nam đã thông qua 56 luật, nghị quyết của Quốc hội có liên quan đến quyền con người, quyền công dân<sup>1</sup>, góp phần cụ thể

---

<sup>1</sup> Phụ lục 2

hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 cũng như các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên như: BLLĐ, Luật Thanh niên năm 2020, Luật Giáo dục năm 2019, Luật Cư trú năm 2020, LXCNCCDVN, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTHS năm 2021, Luật Phòng, chống ma túy năm 2021, Luật Thanh tra năm 2022, LPCBLGD năm 2022,... Trong Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Quốc hội còn dự kiến ban hành nhiều luật khác liên quan tới quyền con người như: Luật Việc làm (sửa đổi), Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), Luật Công đoàn (sửa đổi), Luật Dân số (sửa đổi),...

### **Thực hiện cam kết quốc tế về quyền con người**

9. Nội dung này cần được xem xét đầy đủ trong mối liên hệ với việc nghiêm túc thực hiện các khuyến nghị chấp thuận theo Cơ chế UPR của Hội đồng Nhân quyền LHQ; việc thực hiện các Công ước về quyền con người mà Việt Nam là thành viên như các Công ước CAT, CEDAW, CRPD, CRC, CERD...;

10. Sau thành công của việc đảm nhiệm vai trò thành viên của Hội đồng Nhân quyền LHQ nhiệm kỳ 2014 -2016, Việt Nam tiếp tục được tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng Nhân quyền LHQ nhiệm kỳ 2023-2025; cùng Bangladesh và Philippines là thành viên Nhóm nòng cốt giới thiệu Nghị quyết hàng năm về biến đổi khí hậu và quyền con người tại Hội đồng Nhân quyền LHQ; đóng góp tích cực vào các cơ chế nhân quyền ASEAN (như AICHR); chủ động trao đổi, đối thoại về thúc đẩy và bảo đảm quyền con người với nhiều đối tác trong khu vực và trên thế giới...

11. Trong giai đoạn 2019-2022, Việt Nam đã gia nhập Công ước số 98 của ILO về Áp dụng những nguyên tắc của quyền tổ chức và thương lượng tập thể (2019) và Công ước của ILO số 105 về Xóa bỏ lao động cưỡng bức (2020).

12. Trên cơ sở nghiên cứu kỹ các khuyến nghị của UBNQ, ngày 26/9/2019, Việt Nam đã ban hành Kế hoạch quốc gia nhằm tăng cường thực thi hiệu quả Công ước ICCPR và các khuyến nghị (Quyết định 1252/QĐ-TTg). Tính đến hết tháng 12/2022, nhiều Bộ, ngành, địa phương đã xây dựng kế hoạch riêng thực hiện các khuyến nghị trong các lĩnh vực phụ trách<sup>2</sup>. Các khuyến nghị của UBNQ được lồng ghép hiệu quả vào các chiến lược, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, chương trình mục tiêu quốc gia trong nhiều lĩnh vực liên quan như: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021); Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 (Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022); Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông

---

<sup>2</sup> Phụ lục 1

thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022).<sup>3</sup> Một số khuyến nghị liên quan đến rà soát, hoàn thiện khuôn khổ pháp luật đã được triển khai thực hiện như Việt Nam đã ban hành BLLĐ, LTHAHS, LXCNCCDVN và LXLVPHC.

### **Thách thức đối với việc thực thi Công ước ICCPR và một số giải pháp để vượt qua đại dịch COVID-19**

13. Nhiều thách thức đối với việc thực thi Công ước ICCPR đã được nhận diện tại đoạn 24-29 Báo cáo CCPR/C/VNM/2017/3 vẫn đang hiện hữu và ảnh hưởng không nhỏ tới việc thực hiện hiệu quả Công ước ICCPR.

14. Năm 2020-2021, đại dịch COVID-19 bùng phát cùng với những tác động nghiêm trọng của biến đổi khí hậu đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến mọi mặt đời sống của người dân tại nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Với những tác động chưa từng có của đại dịch, nguồn lực dành cho công việc khác bị hạn chế để ưu tiên cho các hoạt động có liên quan trực tiếp, tác động trực tiếp đến việc đảm bảo quyền của người dân trong giai đoạn COVID-19; một số kế hoạch, hoạt động để thực thi Công ước ICCPR bị chậm tiến độ hoặc kết quả đạt được chưa được như mong muốn.

15. Với ưu tiên cao nhất là đặt tính mạng, sức khỏe của người dân là trên hết, trước hết, Việt Nam đã chủ động thực hiện các biện pháp ứng phó linh hoạt, phù hợp diễn biến dịch trên thế giới cũng như tại Việt Nam và các khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới. Các quyết sách của Việt Nam đều có cách tiếp cận công bằng, bình đẳng đảm bảo người dân đều được tiếp cận với các cơ sở, dịch vụ y tế, vật tư y tế..., đặc biệt quan tâm đến các nhóm đối tượng gặp nhiều khó khăn do tác động của dịch bệnh. Các biện pháp cụ thể bao gồm:

- i. Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách, biện pháp chỉ đạo quyết liệt, kịp thời để thích nghi với bối cảnh đại dịch COVID-19 như Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội, Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 26/2/2021 của Chính phủ về mua và sử dụng vắc-xin phòng Covid-19,...<sup>4</sup>
- ii. Quyết liệt thực hiện chiến lược vắc-xin, thành lập Quỹ vắc-xin, tổ chức Chiến dịch tiêm chủng miễn phí lớn nhất trong lịch sử. Việt Nam đã huy động, điều động một lực lượng lớn nhân lực với gần 300.000 lượt cán bộ của trung ương và các địa phương hỗ trợ cho thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và nhiều địa phương khác có dịch bùng phát, cung cấp gói hỗ trợ trị giá 62.000 tỷ đồng (tương đương 2,7 tỷ đô la Mỹ) cho các

<sup>3</sup> Phụ lục 4

<sup>4</sup> Phần III Phụ lục 1

nhóm đối tượng gặp khó khăn do dịch bệnh, trong đó chủ yếu là phụ nữ, người dân tộc thiểu số, các nhóm nghèo và cận nghèo,...<sup>5</sup>

iii. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cung cấp dịch vụ trực tuyến, giảm giá cước viễn thông để hỗ trợ cho người dân trong bối cảnh đại dịch COVID-19, đảm bảo thông tin thông suốt, đảm bảo quyền tiếp cận thông tin, duy trì môi trường mạng lành mạnh, đấu tranh chống tin giả gây hoang mang dư luận trên Internet<sup>6</sup>; thu hẹp khoảng cách thụ hưởng thông tin giữa các vùng miền, đối tượng trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam và thúc đẩy truyền thông về quyền con người, nâng cao nhận thức để thúc đẩy các quyền dân sự, chính trị. Một trong những ví dụ tiêu biểu là Chương trình “Sống và máy tính cho em” phát động ngày 12/9/2021 đã thu hút được sự tham gia của các nhà mạng tăng cường dung lượng, phủ sóng các “vùng lõm” trên toàn quốc. Tính đến ngày 15/10/2021, Chương trình đã quyên góp được hơn 89 tỉ đồng và hơn 103.000 thiết bị học tập tại 52/63 tỉnh, thành phố; 43.000 trường học với 25 triệu giáo viên được miễn phí dung lượng truy cập hệ thống học trực tuyến; 14 kênh truyền hình phát sóng các bài giảng giáo dục phổ thông; trên 7.000 bài giảng điện tử trong giáo dục phổ thông... được cung cấp khai thác, sử dụng miễn phí.

16. Phiên tòa trực tuyến được tổ chức trên cơ sở Nghị quyết số 33/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội đã giúp đương sự, bị can, bị cáo đang cư trú hoặc bị tạm giam ở những vùng có dịch, vùng bị thiên tai hoặc vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc khó khăn dễ dàng tham gia phiên tòa; bảo vệ quyền và lợi ích của các cá nhân, tổ chức. Thực hiện Nghị quyết nêu trên, Việt Nam đã ban hành Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP ngày 15/12/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành tổ chức phiên tòa trực tuyến. Việc tổ chức phiên tòa trực tuyến phải tuân thủ các quy định của pháp luật; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tại phiên tòa, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng và các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, bảo đảm sự tôn nghiêm của phiên tòa. Tính đến hết ngày 30/9/2022, Việt Nam đã tổ chức xét xử trực tuyến được 3.614 vụ án. Kết quả trên cho thấy sự quyết tâm của Việt Nam khắc phục khó khăn để góp phần đảm bảo tư pháp không chậm trễ, xét xử nhanh chóng, kịp thời không bị gián đoạn vì lý do dịch bệnh,

<sup>5</sup> Phần III Phụ lục 1

<sup>6</sup> Chính phủ ban hành Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022 sửa đổi Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản.

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01/6/2021 phê duyệt Chương trình bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021- 2025.



thiên tai hoặc các điều kiện khó khăn khác, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp bị can, bị cáo, đương sự, tổ chức và cá nhân tham gia phiên tòa.

17. Triển khai dịch vụ công trực tuyến được xem là khâu quan trọng, then chốt trong tiến trình cải cách hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử. Dịch vụ công trực tuyến được triển khai đã giúp giảm bớt thời gian, chi phí đi lại cho việc gửi hồ sơ và nhận kết quả của các tổ chức, cá nhân; tăng tính công khai, minh bạch của thủ tục hành chính. Việt Nam đã ban hành Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn 2030 bằng Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 với quan điểm lấy người dân và doanh nghiệp là trung tâm của chuyển đổi số; lấy phát triển con người, bảo đảm và cải thiện dân sinh làm mục đích; minh bạch hóa và tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp vào hoạt động của cơ quan nhà nước.... Kết quả sau 01 năm thực hiện Đề án nêu trên, công tác hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, tạo môi trường pháp lý cho chuyển đổi số đạt kết quả tích cực. Năm 2022, 16 văn bản quan trọng gồm 04 Nghị định, 01 Nghị quyết của Chính phủ và 10 Quyết định, 01 Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ trong lĩnh vực này đã được ban hành. Đặc biệt, năm 2022 Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối, liên thông với 47 Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước; Cổng Dịch vụ công quốc gia đã cung cấp gần 4,4 nghìn dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (gấp 3 lần năm 2021); hơn 154 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái (gấp 1,7 lần so với năm 2021); nhiều dịch vụ số phục vụ người dân, doanh nghiệp được cung cấp kịp thời, hiệu quả (đăng ký dự thi, xét tuyển đại học, cao đẳng; cấp hộ chiếu trực tuyến; thí điểm thành công 02 dịch vụ công liên thông đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi và đăng ký khai tử - xoá đăng ký thường trú - trợ cấp mai táng phí)....

### **Quy trình soạn thảo Báo cáo**

18. Báo cáo này do Ban soạn thảo liên ngành gồm 23 thành viên là đại diện các Bộ, ngành, đơn vị liên quan trực tiếp đến nội dung Công ước ICCPR xây dựng và Bộ Tư pháp Việt Nam là cơ quan đầu mối.

19. Báo cáo được xây dựng và hoàn thiện trên cơ sở ý kiến đóng góp của các cơ quan ở cả trung ương và địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và người dân. Dự thảo Báo cáo đã được đăng công khai để lấy ý kiến toàn dân trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp. Nhiều cuộc họp, hội thảo, tọa đàm đã được tổ chức nhằm tạo cơ hội đối thoại cởi mở, thẳng thắn giữa Ban soạn thảo và các bên liên quan. Các ý kiến đóng góp đối với dự thảo Báo cáo đều được Ban soạn thảo tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý.

## PHẦN II: BÁO CÁO VỀ CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### Điều 1

20. Mục tiêu của Nhà nước Việt Nam là củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở nguyên tắc “Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển” và “Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước” (Điều 5 Hiến pháp năm 2013). Tình hình thực hiện cụ thể các quyền của người dân tộc thiểu số cần được xem xét đầy đủ trong mối liên hệ với Báo cáo quốc gia định kỳ lần thứ 15-17 về tình hình thực hiện Công ước CERD và được đề cập ngắn gọn tại các đoạn 127-134 của Báo cáo này.

### Điều 2, 26 và các Đoạn số 6, 8, 14, 18 Khuyến nghị

21. Các quyền dân sự và chính trị theo quy định của Công ước ICCPR đã được ghi nhận đầy đủ trong Hiến pháp năm 2013, cụ thể hóa tại các luật của Quốc hội và các văn bản dưới luật theo hướng ngày càng hoàn thiện và đảm bảo thi hành tốt hơn tại Việt Nam. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật do Quốc hội ban hành trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng (Điều 14 Hiến pháp năm 2013).

22. Trên cơ sở Quyết định 1252/QĐ-TTg, các Bộ, ngành, cơ quan ở trung ương và địa phương đã tập trung thúc đẩy công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Công ước ICCPR và pháp luật về các quyền dân sự, chính trị tới các cán bộ, công chức trực tiếp thi hành công vụ trong nhiều lĩnh vực và giáo dục, đào tạo rộng rãi cho học sinh, sinh viên, học viên tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo và người dân, cụ thể như sau:

- i. Việt Nam đã ban hành các Chương trình, Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật<sup>7</sup> nhằm triển khai Đề án “Đẩy mạnh phổ biến nội dung cơ bản của Công ước ICCPR và pháp luật Việt Nam về các quyền dân sự, chính trị cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân”<sup>8</sup>. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến nội dung cơ bản của Công ước ICCPR và pháp luật Việt Nam về các quyền dân sự, chính trị cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân được tổ chức thông qua nhiều hình thức đa dạng như: tổ chức các hội nghị phổ biến; truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng; biên soạn, phát hành tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật<sup>9</sup>; tập huấn đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật; tổ chức “Ngày Pháp luật” hàng năm; tổ chức các

<sup>7</sup> Phần III Phụ lục 1

<sup>8</sup> Phần III Phụ lục 1

<sup>9</sup> Các Phụ lục 1 và 3

cuộc thi tìm hiểu pháp luật...; đặc biệt quyền dân sự, chính trị của người dân còn được đảm bảo thông qua thực hiện Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật với 05 tiêu chí và 20 chỉ tiêu, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong thực hiện các nhiệm vụ được giao, trong đó có tiêu chí công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở cấp xã. Qua đó bảo đảm tính nghiêm minh, tính gương mẫu, thượng tôn pháp luật trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội của chính quyền cấp xã, nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp hành chính gần dân nhất, hiểu dân nhất để phục vụ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân.

- ii. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cho các Đại biểu Quốc hội, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Điều tra viên, cán bộ làm công tác pháp luật liên quan đến quyền con người luôn được chú trọng thông qua các khóa tập huấn về quy định mới của pháp luật, đặc biệt là các quy định liên quan đến quyền con người trong Hiến pháp năm 2013 và các luật như BLTTHS, BLHS, LTHAHS, Luật Đặc xá năm 2018, BLDS, BLTTDS,... Ngoài ra, Việt Nam tổ chức nhiều khóa tập huấn, bồi dưỡng cho các chức danh hỗ trợ tư pháp (luật sư, công chứng viên, giám định viên, trọng tài viên, trợ giúp viên pháp lý...)<sup>10</sup>
- iii. Nhằm tăng cường hơn nữa việc đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, sau gần 5 năm triển khai thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân (Đề án) theo Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 21/12/2021 về tăng cường thực hiện Đề án. Việt Nam đã triển khai thực hiện Đề án hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức xã hội về tầm quan trọng của giáo dục quyền con người, đặc biệt là đối với đội ngũ cán bộ, quản lý, cũng như các nhà giáo, học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Bên cạnh đó, các đề tài nghiên cứu khoa học về Công ước ICCPR trong các cơ sở giáo dục đào tạo cũng đã được triển khai như Đề tài khoa học cấp Bộ Nghiên cứu hoàn thiện pháp luật đáp ứng các khuyến nghị của LHQ đối với việc thực hiện Công ước ICCPR tại Việt Nam,...
- iv. Việt Nam đã ban hành Quyết định số 1079/QĐ-TTg ngày 14/9/2022 phê duyệt Đề án truyền thông về quyền con người ở Việt Nam giai đoạn 2023-2028 (Đề án 1079). Các giải pháp và nhiệm vụ đặt ra tại Đề án 1079 sẽ góp phần nâng cao nhận thức, kiến

---

<sup>10</sup> Phụ lục 3

thức, qua đó nâng cao chất lượng thụ hưởng các quyền của người dân theo các công ước cơ bản về quyền con người của LHQ.

23. Về việc bảo vệ đầy đủ và hiệu quả chống lại mọi hình thức phân biệt đối xử trên mọi lĩnh vực:

- i. “Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội” là nguyên tắc hiến định của Việt Nam (Điều 16 Hiến pháp năm 2013). Nhiều văn bản quy phạm pháp luật cũng có các quy định về chống phân biệt đối xử; nghiêm cấm hành vi phân biệt đối xử; ghi nhận các biện pháp cân bằng lợi ích, vị thế cho các bên trong quan hệ pháp luật<sup>11</sup>. Trong thời gian tới, Việt Nam sẽ tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, tăng cường thực thi để nâng cao hiệu quả chống phân biệt đối xử trong các lĩnh vực, đồng thời nghiên cứu kinh nghiệm của các quốc gia khác về xây dựng Luật Chống phân biệt đối xử.
- ii. Một số bước tiến trong việc bảo đảm quyền của người cùng giới tính, người chuyển đổi giới đã được ghi nhận tại Việt Nam. Việc người cùng giới tính, chuyển đổi giới chung sống, tổ chức đám cưới không bị coi là hành vi vi phạm pháp luật và không bị xử lý vi phạm hành chính. Các hoạt động nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế<sup>12</sup>, hội thảo về quyền của người cùng giới tính, song tính, chuyển đổi giới được nhiều cơ quan, tổ chức thực hiện<sup>13</sup> nhằm mục tiêu xây dựng các quy định pháp luật phù hợp đảm bảo sự bình đẳng, hài hòa và thuận lợi cho các cá nhân trong cuộc sống. Việt Nam đang nghiên cứu, xây dựng chính sách về chuyển đổi giới tính để tiếp tục cụ thể hoá quy định của BLDS về nội dung này.
- iii. Việt Nam đã ban hành Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030 (Quyết định số 790/QĐ-TTg ngày 23/10/2021). Đây là lần đầu tiên một Chương trình truyền thông riêng cấp quốc gia về bình đẳng giới được ban hành. Mục tiêu của Chương trình nhằm tăng cường bình đẳng giới và nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vấn đề này, qua đó giúp ngăn ngừa các rủi ro thường gặp đối với các giới, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em gái.

24. Về nỗ lực hơn nữa để bảo vệ người khuyết tật không bị phân biệt đối xử và đảm bảo sự tiếp cận đầy đủ đối với các dịch vụ công:

- i. Việt Nam là thành viên Công ước CRPD từ năm 2015. Việt Nam cũng đã ban hành Kế hoạch thực hiện Công ước CRPD (Quyết định số 1100/QĐ-TTg ngày 21/6/2016)

<sup>11</sup> Các Điều 1, 3 BLDS; các Điều 4, 7, 8 BLLĐ; các Điều 2, 5 LHNGĐ; các Điều 1, 4, 6, 7 Luật Bình đẳng giới năm 2006; Điều 9 Luật Người cao tuổi năm 2009; các Điều 5, 7, 14 Luật Người khuyết tật năm 2010;...

<sup>12</sup> Phần III Phụ lục 1

<sup>13</sup> Phụ lục 3

- nhằm xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan trong việc thực hiện Công ước, đảm bảo quyền của người khuyết tật được tham gia bình đẳng và hòa nhập cộng đồng.
- ii. Chính sách đối với người khuyết tật luôn được Việt Nam quan tâm, Việt Nam đã ban hành Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 01/11/2019, Quyết định số 753/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 về Kế hoạch tổ chức thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW; Quyết định số 112/QĐ-TTg ngày 22/01/2021 về Chương trình phát triển công tác xã hội giai đoạn 2021-2030 và Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 25/11/2020 về Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021 – 2030.
  - iii. Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm được ban hành, trong đó sửa đổi quy định về hồ sơ vay vốn hỗ trợ tạo việc làm. Cụ thể, cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật được vay vốn với mức lãi suất bằng 50% lãi suất vay. Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021–2030 đã được ban hành bởi Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020. Theo đó, đến năm 2025, 80% công trình xây mới và 30% công trình cũ là trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; nhà ga, bến xe, bến tàu; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục, dạy nghề, công trình văn hóa, thể dục thể thao; nhà chung cư bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật; đến năm 2030, tỷ lệ trên tăng lên là 100% công trình xây mới và 50% đối với công trình cũ.
  - iv. Việt Nam đã có Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật, trong đó có ưu tiên nhập học và tuyển sinh; miễn, giảm một số nội dung môn học, số lượng môn học hoặc hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục; đánh giá kết quả giáo dục; chính sách về học phí; chính sách về học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập; Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật, bao gồm: tổ chức, hoạt động giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật; nhiệm vụ và quyền hạn của giáo viên, giảng viên, nhân viên hỗ trợ giáo dục và người khuyết tật.
  - v. Năm 2022, Việt Nam đã có văn bản gia nhập Hiệp ước về tạo điều kiện cho người khuyết tật nhìn, người khuyết tật không có khả năng đọc chữ in và người khuyết tật khác không có khả năng tiếp cận tác phẩm để đọc theo cách thông thường của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới và Hiệp ước sẽ có hiệu lực với Việt Nam từ 06/3/2023.

25. Việt Nam đang tiếp tục tích cực rà soát pháp luật, nghiên cứu khả năng thành lập một cơ quan nhân quyền quốc gia theo khuyến nghị của UBNQ trên cơ sở xem xét sự phù hợp với mức độ phát triển kinh tế - xã hội, tiến trình cải cách pháp luật và tư pháp và các điều kiện đảm bảo của Việt Nam.

26. Những cơ quan có thẩm quyền bảo đảm quyền con người tại Việt Nam đã được đề cập tại các đoạn từ 5-13 Báo cáo CCPR/C/VNM/2017/3. Tùy theo mức độ nghiêm trọng, các hành vi xâm phạm các quyền dân sự, chính trị, sẽ bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Các phương thức bảo vệ quyền dân sự, chính trị được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật, có thể kể đến như: BLDS, BLTTDS, BLHS, BLTTHS, Luật Tố tụng hành chính năm 2015, LTHTGTG, LTHAHS, Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014), LXLVPHC, Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước<sup>14</sup>, Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tố cáo năm 2018...

### **Điều 3 và các Đoạn số 20, 22 Khuyến nghị**

27. Về việc sửa đổi pháp luật, trong đó có BLLĐ và các biện pháp thúc đẩy, tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong mọi lĩnh vực:

- i. BLLĐ quy định khái niệm về phân biệt đối xử trong lao động tại khoản 8 Điều 3 và quy định rõ hành vi phân biệt đối xử trong lao động là hành vi bị nghiêm cấm (khoản 1 Điều 8). BLLĐ cũng có các quy định cụ thể về đảm bảo không phân biệt đối xử cũng như tăng cường sự tham gia của phụ nữ, bảo đảm bình đẳng giới như quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 8 và Chương X (Những quy định riêng đối với lao động nữ và bảo đảm bình đẳng giới). Điều 169 BLLĐ quy định tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường được điều chỉnh theo lộ trình cho đến khi đủ 62 tuổi đối với lao động nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035.
- ii. Việt Nam đã ban hành Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 về Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030, trong đó có Mục tiêu thứ 5 là “*Đạt được bình đẳng về giới, tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái*”.
- iii. Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Việt Nam ban hành Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 về *Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế -*

---

<sup>14</sup> Phần III Phụ lục 1

*xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, gồm 10 Dự án thành phần, trong đó có Dự án thành phần thứ 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em”.*

- iv. Nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, Việt Nam đã tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu chính sách, pháp luật về bình đẳng giới” với quy mô toàn quốc, số lượng bài dự thi lên tới 700.000 bài; tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức về Luật Bình đẳng giới và các nghị định hướng dẫn thi hành cho cán bộ chủ chốt của các ban, ngành cấp tỉnh.
  - v. Về cơ cấu đại biểu Quốc hội khoá XV: Đại biểu là phụ nữ là 151 người (tỷ lệ 30,26% trong tổng số đại biểu, tăng 3,54% so với khoá XIV).
  - vi. Kết quả cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở mới nhất năm 2019 cho thấy, tỷ lệ đi học chung theo giới tính, ở cấp học thấp (tiểu học và trung học cơ sở), không có nhiều sự khác biệt giữa trẻ em trai và trẻ em gái. Cấp tiểu học, tỷ lệ đi học chung của trẻ em trai là 101,1%, của trẻ em gái là 100,8%; cấp trung học cơ sở tương ứng là 92,2% và 93,5%; cấp trung học phổ thông, tỷ lệ đi học chung của trẻ em trai thấp hơn trẻ em gái là 7,1%.<sup>15</sup>
  - vii. Tỷ lệ biết chữ của nam và nữ trong độ tuổi từ 15-60 đạt 98,16%, độ tuổi 15-35 là 99,3%; đối với các tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ tỷ lệ này tương ứng là 94,7% và 97,8%, đạt và vượt chỉ tiêu. Chỉ số cân bằng giới (GPI) nam, nữ đối với người biết chữ độ tuổi 15-35 và 15-60 gần đạt mức tuyệt đối (99,5%).
  - viii. Đối với dân tộc thiểu số, kết quả tổng hợp năm học 2019-2020 cho thấy tỷ lệ biết chữ của phụ nữ dân tộc thiểu số từ 15-60 tuổi năm 2020 ở các vùng: Đồng bằng sông Hồng 98,699%; Đông Bắc 92,93%; Tây Bắc 89,71%; Bắc Trung Bộ 96,83%; Nam Trung Bộ 86,88%; Tây Nguyên 91,23%; Đông Nam Bộ 87,38%; Tây Nam Bộ 88,72%. Một số tỉnh có tỷ lệ nữ từ 15-60 tuổi biết chữ thấp hơn 82,5%: Hà Giang 77,17%; Quảng Bình 81,2%; Ninh Thuận 82,45%; An Giang 75,89%; Vĩnh Long 82,1%.
28. Về việc tăng cường phòng, chống mọi hình thức bạo lực trên cơ sở giới:
- i. Năm 2022, Việt Nam đã thông qua LPCBLGD (thay thế LPCBLGD năm 2007) quy định rõ hành vi bạo lực gia đình, trong đó có cưỡng ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ hoặc chồng. Bên cạnh đó, các điểm mới cơ bản của LPCBLGD có thể kể đến là: (i) tiếp cận dựa trên quyền con người và lấy người bị bạo

---

<sup>15</sup> Phần III Phụ lục 1

lực gia đình làm trung tâm, sửa đổi, bổ sung các hành vi bạo lực gia đình; mở rộng đối tượng được bảo vệ (nạn nhân của bạo lực gia đình, các đối tượng được áp dụng tương tự); bổ sung quy định để tăng tính khả thi áp dụng LPCBLGD đối với người nước ngoài cư trú ở Việt Nam; (ii) thực hiện phòng ngừa bạo lực gia đình chủ động; (iii) sửa đổi, bổ sung các biện pháp bảo vệ, hỗ trợ, xử lý vi phạm trong phòng, chống bạo lực gia đình để khắc phục những bất cập của LPCBLGD năm 2007, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn<sup>16</sup>; (iv) khuyến khích xã hội hóa công tác phòng, chống bạo lực gia đình, đồng thời nâng cao trách nhiệm của Nhà nước trong bố trí nguồn lực cho phòng, chống bạo lực gia đình để hướng tới xây dựng và phát triển các cơ sở trợ giúp về phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động chuyên nghiệp hiệu quả<sup>17</sup>; (v) sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của Chính phủ, cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình và cơ quan, tổ chức có liên quan trong phòng, chống bạo lực gia đình.

- ii. LXLVPHC có quy định về việc người có hành vi bạo lực gia đình vi phạm quyết định cấm tiếp xúc theo quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình có thể bị áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính với mục đích ngăn chặn ngay hành vi có khả năng thực tế xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác (điểm d khoản 1 Điều 120). Bên cạnh đó, Nghị định số 144/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình dành một mục riêng (vi phạm hành chính về phòng, chống bạo lực gia đình), quy định cụ thể các hành vi vi phạm hành chính về bạo lực gia đình.
- iii. Số liệu thống kê từ năm 2019-2022 về số vụ bạo lực gia đình có xu hướng giảm dần qua các năm thể hiện qua các biểu đồ dưới đây:

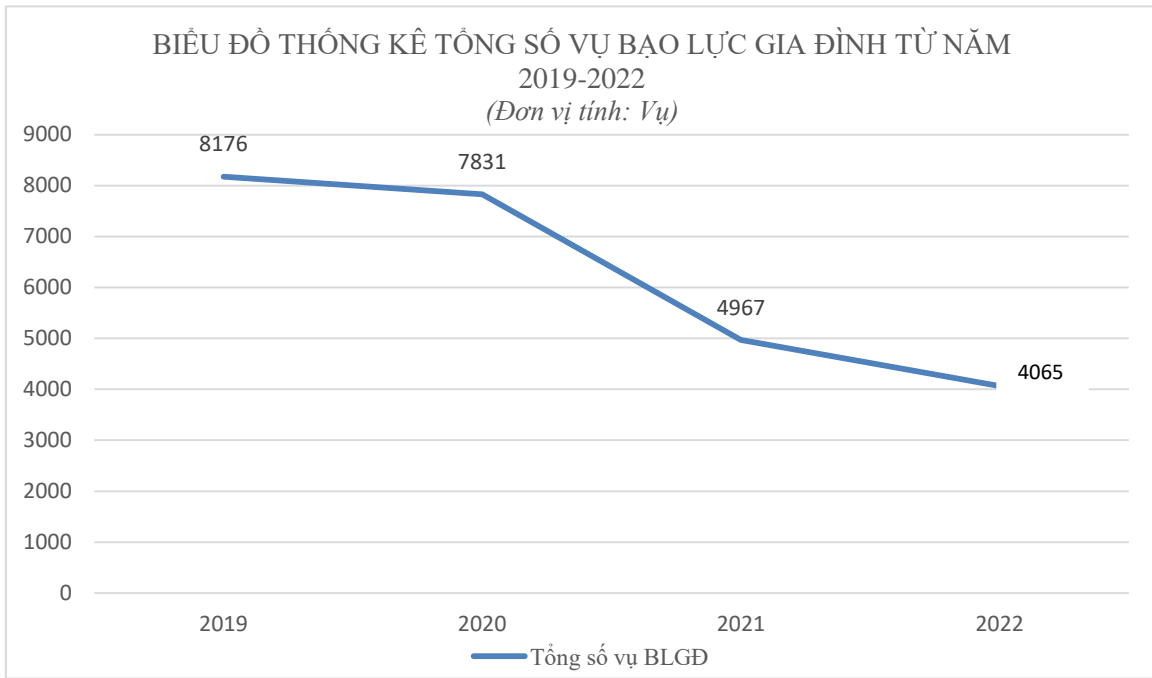
---

<sup>16</sup> Như quy định về giám sát việc thực hiện quyết định cấm tiếp xúc; biện pháp giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình; biện pháp bảo vệ người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình và người báo tin, tố giác về bạo lực gia đình...

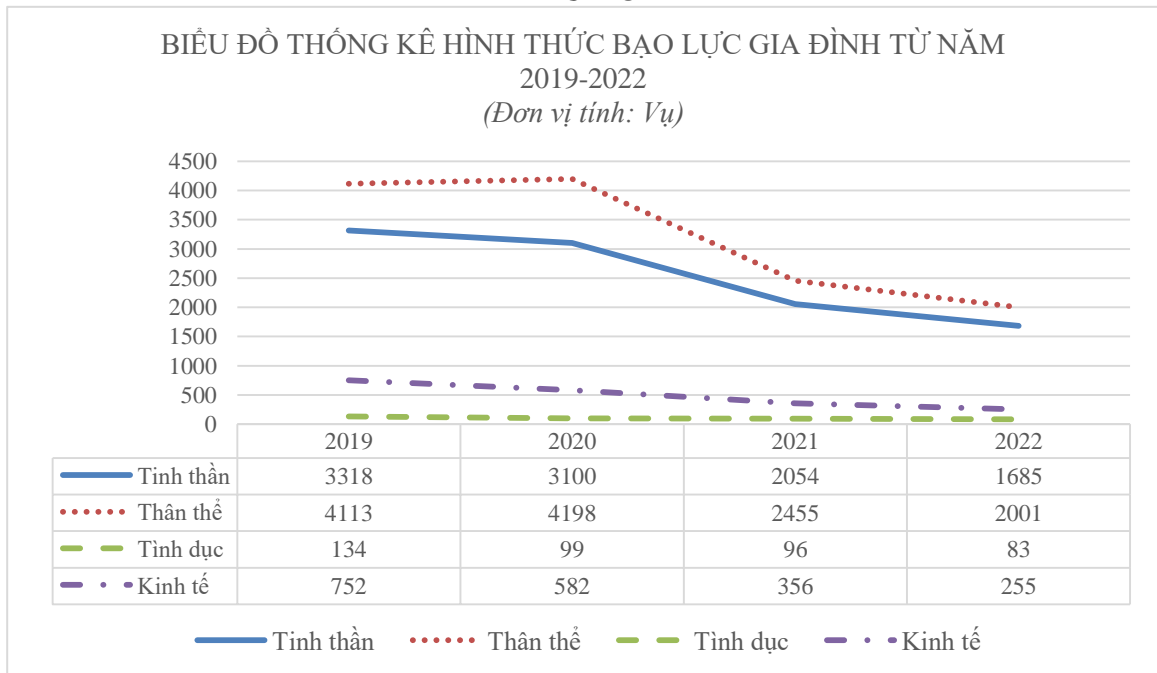
<sup>17</sup> Như quy định về cơ sở trợ giúp, cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình; bổ sung các quy định về điều kiện bảo đảm thực hiện phòng, chống bạo lực gia đình như quy định về kinh phí phòng, chống bạo lực gia đình, cơ sở dữ liệu về phòng, chống bạo lực gia đình, kỹ năng tham gia phòng, chống bạo lực gia đình...

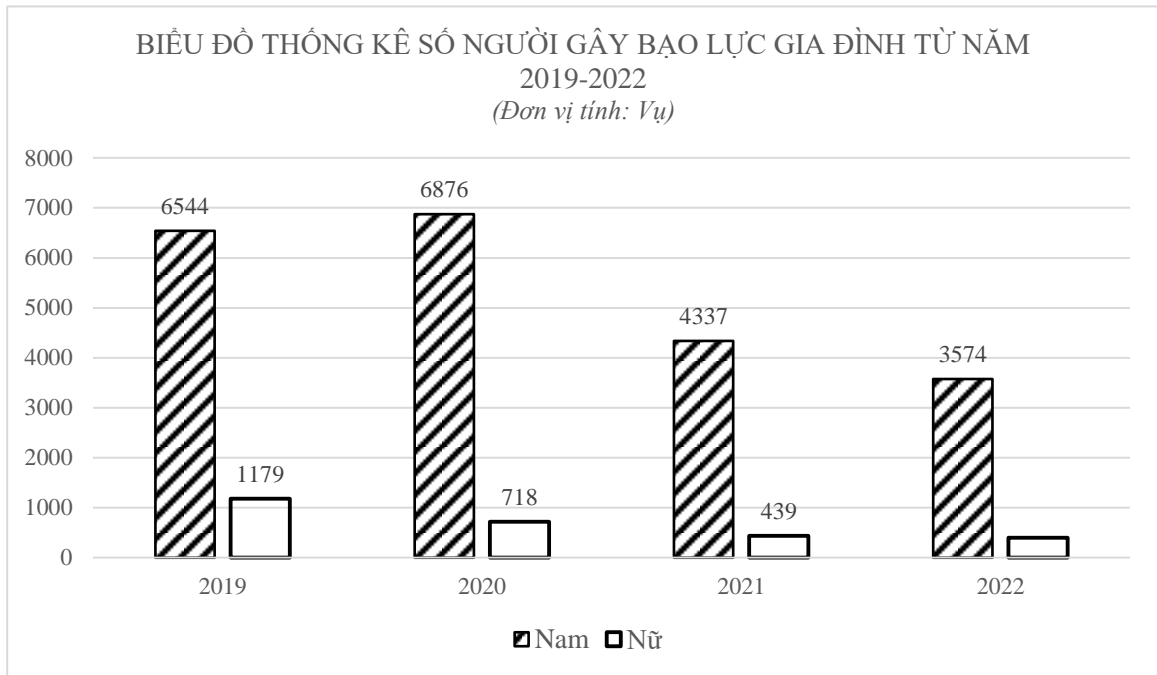
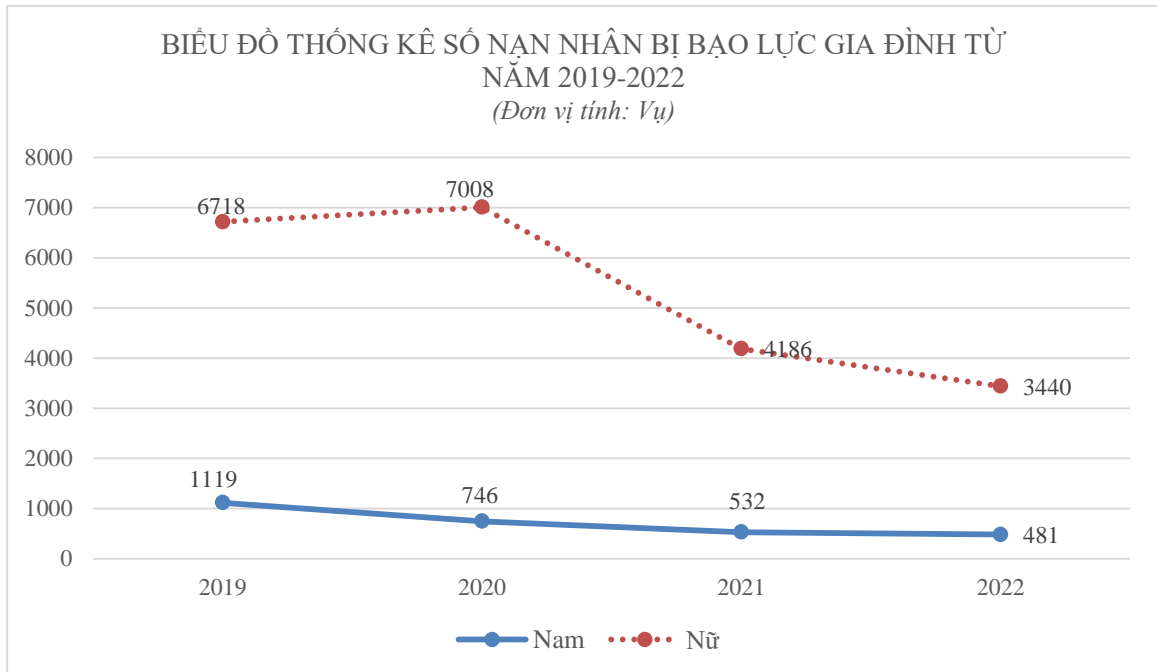


**BIỂU ĐỒ 1**



**BIỂU ĐỒ 2**



**BIỂU ĐỒ 3****BIỂU ĐỒ 4**

- iv. Việt Nam đã ban hành Quyết định số 2238/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030, trong đó có mục tiêu: phấn đấu 100% các gia đình được cung cấp thông tin, kiến thức về văn hóa ứng xử, kỹ năng

giáo dục đạo đức, lối sống, tình yêu thương, truyền thống dân tộc và các giá trị văn hóa tốt đẹp; phòng ngừa rủi ro, tệ nạn xã hội, bạo lực trong gia đình; đặc biệt quan tâm hộ gia đình chính sách, hộ nghèo và cận nghèo, gia đình dân tộc thiểu số; phân đấu hằng năm 90% vụ việc bạo lực gia đình được giải quyết theo quy định pháp luật; 100% người bị bạo lực gia đình được hỗ trợ cung cấp các dịch vụ thiết yếu; 100% địa phương có mô hình can thiệp, phòng ngừa và ứng phó bạo lực gia đình nhằm giảm tác hại của bạo lực gia đình, đặc biệt với phụ nữ, người yếu thế và trẻ em....

- v. Các cơ sở trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình được thành lập nhằm chăm sóc, tư vấn, bố trí nơi tạm lánh, hỗ trợ nhu cầu thiết yếu cho người bị bạo lực gia đình và trẻ em mà người bị bạo lực gia đình có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng; giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình.<sup>18</sup>

#### **Điều 4 và các Đoạn số 10, 12 Khuyến nghị**

29. Hiến pháp năm 2013 đã có quy định về việc ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương của UBND (khoản 10 Điều 74); căn cứ vào nghị quyết của UBND, Chủ tịch nước công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp (khoản 5 Điều 88); thi hành lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp của Chính phủ (Điều 96). Các luật chuyên ngành có liên quan đến tình trạng khẩn cấp (như Luật An ninh quốc gia năm 2004, Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013, Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013, Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007,...) đã có quy định cụ thể về việc hạn chế, tạm đình chỉ đối với quyền con người được áp dụng trong trường hợp tình trạng khẩn cấp. Từ năm 2019-2022, Việt Nam chưa tuyên bố tình trạng khẩn cấp.

30. Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 quy định việc phòng, chống khủng bố phải bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân cũng như bảo vệ an toàn tính mạng, sức khỏe con người. Luật này áp dụng đối với công dân, cơ quan, tổ chức Việt Nam; tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài, người nước ngoài cư trú, hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. Khái niệm “khủng bố” cũng được quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật này.

31. Việt Nam đã ban hành Nghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02/01/2019 về phòng thủ dân sự, quy định phòng thủ dân sự bao gồm các biện pháp phòng, chống chiến tranh; phòng,

<sup>18</sup> Ví dụ: mô hình “Địa chỉ tin cậy cộng đồng”, “Ngôi nhà Bình yên” hỗ trợ toàn diện (về nơi tạm lánh, vật chất đồ dùng thiết yếu, tâm lý/tinh thần, pháp lý, kiến thức, kỹ năng...) cho phụ nữ, trẻ em bị bạo lực gia đình, xâm hại tình dục, bị mua bán trở về được tạm lánh, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng. Mô hình này đã tiếp nhận và hỗ trợ hồi gia gần 400 nạn nhân bị mua bán trở về; gần 1.800 lượt phụ nữ và trẻ em được thăm khám và điều trị liên quan đến hậu quả của mua bán người; gần 3.400 lượt người được hỗ trợ điều trị và tham vấn tâm lý,...

chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh; bảo vệ Nhân dân, cơ quan, tổ chức và nền kinh tế quốc dân.

32. Căn cứ áp dụng các biện pháp kiểm soát phòng, chống dịch COVID-19 bao gồm: Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007; Quyết định số 02/2016/QĐ-TTg ngày 28/01/2016 quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm; Quyết định số 447/QĐ-TTg ngày 01/04/2020 về việc công bố dịch COVID-19.

**Điều 6, Đoạn số 24 Khuyến nghị và Báo cáo CCPR/C/136/2/Add.4**

33. Nội dung này cần được xem xét đầy đủ trong mối liên hệ với Báo cáo giữa kỳ đã được nộp vào tháng 3/2021.

- i. Các giá trị quyền con người là toàn cầu và phổ quát, song mỗi quốc gia có cơ chế riêng để áp dụng phù hợp và hiệu quả. Cũng như nhiều quốc gia khác trên thế giới, Việt Nam vẫn duy trì án tử hình phù hợp với quy định tại Điều 6 Công ước ICCPR và xem đây là biện pháp đặc biệt cuối cùng, chỉ áp dụng đối với một số rất ít trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng thuộc một số nhóm tội phạm quy định tại BLHS như nhóm tội xâm phạm tính mạng con người; ma túy; an ninh quốc gia và một số tội đặc biệt nghiêm trọng khác. Đây là hình phạt liên quan đến quyền được sống của người bị kết án nên trình tự, thủ tục hết sức chặt chẽ từ quá trình điều tra, truy tố, xét xử đến thi hành án. Quyền, nghĩa vụ và chế độ của người bị kết án tử hình được bảo đảm theo đúng quy định tại các Điều 9 và 37 của LTHTGTG. Việc thi hành án tử hình được tiến hành theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 367 BLTTHS; các Điều 77, 78, 79, 80, 81, 82 và 83 của LTHAHS.
- ii. Thủ tục xem xét bản án tử hình trước khi thi hành được quy định tại khoản 1 Điều 367 BLTTHS. Cụ thể, sau khi bản án tử hình có hiệu lực pháp luật thì hồ sơ vụ án được gửi ngay cho Chánh án TAND tối cao và bản án phải được gửi ngay cho Viện trưởng VKSND tối cao để xem xét theo thủ tục xem xét bản án tử hình trước khi thi hành.
- iii. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị kết án được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước. Thẩm quyền này của Chủ tịch nước thể hiện sự nhân đạo của Nhà nước đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, mở thêm một cánh cửa để người bị kết án tử hình có cơ hội được sống tiếp.

34. Giảm áp dụng hình phạt tử hình là chủ trương lâu dài và nhân đạo của Nhà nước Việt Nam. Việc giảm áp dụng hình phạt tử hình được thực hiện bằng nhiều cách thức như: (i) giảm dần các tội có quy định hình phạt tử hình, từ 44 tội danh bị kết án tử hình trong BLHS năm 1985, giảm xuống còn 29 tội danh trong BLHS năm 1999, tiếp đó giảm xuống còn 22 tội danh trong BLHS năm 2009 và giảm xuống còn 18 tội danh trong BLHS năm 2015 (sửa đổi,

bổ sung năm 2017); (ii) không áp dụng hình phạt tử hình đối với người dưới 18 tuổi khi phạm tội, phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi hoặc người đủ 75 tuổi trở lên khi phạm tội hoặc khi xét xử; (iii) không thi hành án tử hình trong một số trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 40 BLHS; (iv) không giới hạn việc xem xét lại bản án tử hình về tội nào theo thủ tục xem xét bản án tử hình trước khi thi hành quy định tại Điều 367 BLTTHS. Việt Nam không cho phép thi hành hình phạt tử hình ngoài tổ tụng.

35. Trong các điều luật về tội phạm cụ thể, đối với một số ít tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, mặc dù hình phạt cao nhất là tử hình, các điều luật này cũng quy định các khung hình phạt khác như hình phạt tù có thời hạn và tù chung thân. Quy định này cho phép Hội đồng xét xử cân nhắc, lựa chọn và quyết định hình phạt trên cơ sở đánh giá toàn diện và đầy đủ vụ án, đảm bảo phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện và mức độ nghiêm trọng của tội phạm.

36. Việc nghiên cứu khả năng gia nhập các nghị định thư tùy chọn của Công ước ICCPR đã được đưa vào Quyết định số 1252/QĐ-TTg (nghị định thư thứ nhất và nghị định thư thứ 2). Từ 2019-2022, dưới sự hỗ trợ của UNDP và IRZ, một số hoạt động nghiên cứu chuyên sâu về hình phạt tử hình đã được tiến hành hoặc công bố như Báo cáo về khả năng Việt Nam gia nhập Nghị định thư tùy chọn thứ hai về bãi bỏ hình phạt tử hình theo Công ước ICCPR, Báo cáo về quá trình hình thành, duy trì và loại bỏ hình phạt tử hình của một số quốc gia trên thế giới và đề xuất đối với Việt Nam. Các Báo cáo này đã nghiên cứu, phân tích kỹ các nội dung khuyến nghị của UBNQ cũng như kinh nghiệm quốc tế từ các quốc gia có điều kiện kinh tế và xã hội tương tự trong việc quy định về hình phạt tử hình để tham khảo và áp dụng đối với Việt Nam. Ngoài ra, Việt Nam đã cử đại diện tham dự một số hội nghị quốc tế để học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm về vấn đề này.

37. Trên cơ sở Kế hoạch hành động Quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên/thành niên giai đoạn 2019-2025 (Quyết định số 3781/QĐ-BYT ngày 28/8/2020), các cơ quan ở Trung ương và địa phương đã phối hợp xây dựng và triển khai kế hoạch, mô hình điểm chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên/thành niên (VTN/TN); mô hình điểm lồng ghép, kết hợp giữa truyền thông, tư vấn với tổ chức cung cấp dịch vụ thân thiện về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho người lao động trẻ ở các tỉnh có nhiều khu công nghiệp. Tỷ lệ phá thai đã liên tục giảm xuống trong những năm qua từ 37/100 trẻ sinh sống năm 2005 xuống 12,28/100 trẻ sinh sống vào năm 2021. Đối với tình hình NCTN có thai và phá thai, số trường hợp mang thai ở NCTN đã giảm từ hơn 78.000 ca (năm 2018) xuống còn khoảng hơn 35.000 ca (năm 2021). Tỷ lệ mang thai ở NCTN/ tổng số mang thai cũng đã giảm tương ứng từ khoảng 3% xuống 2,35% (năm 2021). Số phá thai ở NCTN và tỷ lệ phá thai ở NCTN giảm từ khoảng 9.100 ca năm 2010 (chiếm

2,2% trong tổng số phá thai) xuống còn khoảng 2.000 ca ở giai đoạn 2019-2021 (khoảng 1%). Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030 đề ra chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2025 là giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản còn 42/100.000 trẻ sinh sống và xuống dưới 42/100.000 vào năm 2030.

**Bảng 1: Số liệu mang thai ở NCTN giai đoạn 2019-2021**

TT	Chỉ số	2019	2020	2021
1	Số mang thai ở trẻ em gái chưa thành niên/thanh niên	41.336	38.122	35.221
2	Tỷ lệ mang thai ở trẻ em gái chưa thành niên/thanh niên (%)	2,31	2,39	2,35
3	Tỷ số phá thai (trên 100 ca đẻ sống)	13,0	12,34	12,28
4	Tỷ lệ phá thai ở trẻ em gái chưa thành niên (%)	1,82	1,3	1,0

38. Việt Nam đã ban hành Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 phê duyệt Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030; Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 phê duyệt Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình.<sup>19</sup>

#### **Điều 7 và Đoạn số 28 Khuyến nghị**

39. Nội dung Báo cáo này cần được xem xét đầy đủ trong mối liên hệ với Báo cáo quốc gia về tình hình thực hiện Công ước CAT. Ngày 14/02/2023, Việt Nam đã ban hành Quyết định số 87/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch tăng cường thực thi hiệu quả Công ước CAT và các khuyến nghị phù hợp của Ủy ban chống tra tấn (Quyết định số 87/QĐ-TTg).

40. BLHS đã quy định 03 tội danh quy định trực tiếp hành vi tra tấn mà Công ước CAT đã định nghĩa, đó là tội dùng nhục hình (Điều 373); tội bức cung (Điều 374) và tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu (Điều 384). Bên cạnh đó, BLHS cũng quy định một số tội phạm khác có liên quan như tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong khi thi hành công vụ (Điều 137); tội hành hạ người khác (Điều 140); tội làm nhục người khác (Điều 155); tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật (Điều 157); tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn bắt, giữ, giam người trái pháp luật (Điều 377); tội làm nhục đồng đội (Điều 397) và tội hành hung đồng đội (Điều 398). Như

<sup>19</sup> Phần III Phụ lục 1

vậy, các quy định tại BLHS đã bảo đảm xử lý các hành vi tra tấn theo khái niệm ghi nhận tại Công ước CAT. Tuy nhiên, trên cơ sở khuyến nghị tại đoạn 28, Việt Nam đã đưa nhiệm vụ tiếp tục nghiên cứu khả năng hình sự hóa riêng biệt hành vi tra tấn và các vấn đề có liên quan vào Quyết định số 1252/QĐ-TTg và Quyết định số 87/QĐ-TTg.

41. Để nâng cao nhận thức của người dân, cơ quan nhà nước về các nội dung liên quan đến chống tra tấn, nhiều cuộc hội nghị, hội thảo, tập huấn<sup>20</sup>, chương trình giảng dạy, phát thanh, truyền hình trên các phương tiện truyền thông, mạng Internet đã được thực hiện ở cấp trung ương và địa phương. Năm 2019, Việt Nam đã phát hành sách về “Báo cáo quốc gia lần thứ nhất của Việt Nam về thực thi Công ước chống tra tấn”, trong đó đã cung cấp toàn văn Báo cáo quốc gia và nội dung Công ước CAT bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Đề án tuyên truyền, phổ biến về nội dung Công ước CAT cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân cũng như Đề án tuyên truyền, phổ biến nội dung Công ước CAT cho lực lượng công an nhân dân, quân đội nhân dân đã được ban hành và triển khai. Quyết định số 87/QĐ-TTg quy định cụ thể các công việc cần thực hiện nhằm về tiếp tục tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và đào tạo về Công ước CAT và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn, về nỗ lực, thành tựu của Việt Nam trong thực thi Công ước CAT và các khuyến nghị phù hợp của Ủy ban chống tra tấn.

#### **Điều 8 và Đoạn số 40 Khuyến nghị**

42. Về phòng, chống lao động cưỡng bức, ngăn chặn mua bán người trong lĩnh vực việc làm và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, năm 2019, Việt Nam đã ban hành BLLĐ với nhiều quy định cụ thể nhằm phòng, chống lao động cưỡng bức, phù hợp với các nguyên tắc hướng dẫn của ILO. Việt Nam đã phê chuẩn gia nhập Công ước của ILO số 105 về Xóa bỏ lao động cưỡng bức năm 2020; ban hành Luật Người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật này với nhiều quy định được bổ sung nhằm bảo đảm quyền và lợi ích của lao động; ban hành Nghị định 12/2022/NĐ-CP ngày 17/01/2022 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Thông tư số 21/2021/TT-LĐTBXH ngày 15/12/2021 quy định cụ thể mức trần tiền dịch vụ đối với một số ngành, nghề, công việc cụ thể để tránh việc doanh nghiệp thu phí của người lao động trái quy định. Ngoài ra, BLHS quy định cụ thể các hành vi mua bán người, trong đó có hành vi chuyên giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động và hành vi tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người khác để thực hiện chuyên giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình

---

<sup>20</sup> Phụ lục 3

dục, cưỡng bức lao động là các hành vi cấu thành tội mua bán người và tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 150 -Tội mua bán người, Điều 151- Tội mua bán người dưới 16 tuổi).

43. Việt Nam tiếp tục tăng cường xây dựng, hoàn thiện chính sách và thực thi pháp luật trong lĩnh vực phòng, chống mua bán người, bảo vệ nạn nhân bị mua bán<sup>21</sup>; trong đó có Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 bằng Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 09/2/2021. Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình (trong đó quy định xử phạt hành vi lợi dụng kinh doanh, dịch vụ để hoạt động mua bán dâm, qua đó góp phần phòng, chống tệ nạn xã hội ở các khu vực dễ phát sinh mua bán người). Đồng thời, Việt Nam đang nghiên cứu, đề xuất xây dựng dự án Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi).

44. Trong giai đoạn 2019-2022, Việt Nam tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác phòng, chống mua bán người<sup>22</sup>:

- i. Kế hoạch của Ban Chỉ đạo 138/CP về thực hiện Chương trình phòng, chống mua bán người, thực hiện đồng bộ các giải pháp để ngăn chặn, kiềm chế hoạt động tội phạm mua bán người trên phạm vi toàn quốc; công tác hợp tác quốc tế về phòng, chống mua bán người tiếp tục được chú trọng và đẩy mạnh với nhiều hoạt động hợp tác song phương, đa phương mang lại hiệu quả thiết thực như: trong các năm 2020–2022, Việt Nam đã tiến hành nhiều hoạt động về phòng, chống tội phạm mua bán người và công tác đảm bảo an toàn cho người Việt bị lôi kéo, dụ dỗ, cưỡng bức lao động như trao đổi với các cơ quan chức năng của Campuchia, Trung Quốc, Lào; thúc đẩy việc thực hiện Bản ghi nhớ giữa Việt Nam và Vương quốc Anh và Bắc Ai-len về hợp tác phòng, chống mua bán người, Công ước của LHQ về phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, Nghị định thư về ngăn ngừa và trừng trị buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em; phối hợp với các tổ chức quốc tế tổ chức các hội thảo, tập huấn, khoá đào tạo ngắn hạn cho hàng trăm cán bộ về các chuyên đề, lĩnh vực liên quan đến phòng, chống mua bán người.
- ii. Các cơ quan có liên quan (VKSND các cấp, Cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng...) đã phối hợp chặt chẽ để nắm tình hình, quản lý và kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm mua bán người kịp thời, nhanh chóng có hiệu quả.

<sup>21</sup> Phần III Phụ lục 1

<sup>22</sup> Phần III Phụ lục 1



- iii. Trong giai đoạn 2019-2022, hàng năm, Việt Nam đều tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Thế giới và Ngày toàn dân phòng, chống mua bán người (30/7) với các hình thức thiết thực như: truyền thông tại cộng đồng, hội thảo, tập huấn, tọa đàm, triển lãm, cổ động, lễ mít tinh hưởng ứng,... nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng phòng ngừa mua bán người cho người dân, tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành.
- iv. Trong giai đoạn 2019-2021, toàn quốc đã khởi tố 191 vụ (371 bị can) về tội mua bán người, mua bán người dưới 16 tuổi, điển hình là những địa phương đã phát hiện và khởi tố, điều tra nhiều vụ như Lào Cai, Lai Châu, Quảng Ninh, Nghệ An, Hà Giang, Lạng Sơn, Điện Biên, Hà Nội,... VKSND các cấp đã thụ lý 242 vụ (430 bị can), Tòa án các cấp đã thụ lý 240 vụ (419 bị cáo), giải quyết 267 vụ (495 bị cáo) về tội mua bán người, mua bán người dưới 16 tuổi. Từ năm 2019 – 2021, 100% vụ việc trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bị mua bán khó khăn về tài chính, chủ yếu là phụ nữ và trẻ em có yêu cầu trợ giúp pháp lý được các Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh/thành phố cung cấp/Thực hiện trợ giúp pháp lý miễn phí, trong đó, 96% là vụ việc tham gia tố tụng.

#### **Điều 9 và Đoạn số 26, 32 Khuyến nghị**

45. Khoản 4 Điều 31 Hiến pháp năm 2013 quy định người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa. BLTTHS quy định người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa; cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm cho người bị buộc tội, bị hại, đương sự thực hiện đầy đủ quyền bào chữa, quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của Bộ luật này (Điều 16). Đồng thời, BLTTHS, LTHTGTG quy định cụ thể, đầy đủ về quyền của người bào chữa, thời điểm người bào chữa tham gia tố tụng (như Điều 72, 73, 74, 76, 78, 79 BLTTHS...; Điều 9, 22, 34 LTHTGTG...).

46. Pháp luật Việt Nam quy định rất rõ những trường hợp, điều kiện, thời hạn, trình tự, thủ tục bị tạm giữ, tạm giam (các điều từ 109 đến 119 BLTTHS). Chỉ những người thuộc các trường hợp mà pháp luật quy định cần phải tạm giữ, tạm giam thì mới bị áp dụng các biện pháp này. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi ra quyết định tạm giữ, người ra quyết định tạm giữ phải gửi quyết định tạm giữ kèm theo các tài liệu làm căn cứ tạm giữ cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền. Nếu xét thấy việc tạm giữ không có căn cứ hoặc không cần thiết thì Viện kiểm sát ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ và người ra quyết định tạm giữ phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ. Lệnh tạm giam phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được lệnh tạm giam, đề nghị xét phê chuẩn và hồ sơ liên quan đến việc tạm giam, Viện kiểm sát phải ra

quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn. Do đó, không có việc sử dụng thường xuyên và rộng rãi hình thức tạm giữ, tạm giam trước khi xét xử.

47. Điều 107 Hiến pháp năm 2013, Điều 3 LTCVKSND đã quy định VKSND có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. BLTTHS quy định chặt chẽ về thẩm quyền, thời hạn tạm giữ, tạm giam để điều tra. Thời hạn tạm giữ, tạm giam được quy định cụ thể tại các Điều 118, Điều 173 BLTTHS.

48. Không có việc giam giữ kéo dài không xét xử, giam giữ độc đoán, biệt giam ở Việt Nam. Pháp luật Việt Nam không quy định khái niệm biệt giam. Người bị giam giữ vi phạm nội quy của cơ sở giam giữ có thể bị áp dụng các biện pháp kỷ luật được quy định cụ thể, rõ ràng, chi tiết về hình thức, thời hạn, mức độ (Điều 43 BLTTHS). Các biện pháp kỷ luật hoàn toàn không mang tính chất tra tấn, đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người. Việc giám sát bảo đảm quyền của người bị bắt, tạm giữ, tạm giam được tiến hành chặt chẽ bởi nhiều cơ quan đại diện cho nhân dân, đặc biệt là sự kiểm tra, giám sát trực tiếp, toàn diện từ giai đoạn bắt, thi hành tạm giữ, tạm giam, điều tra, thi hành án hình sự của VKSND các cấp.

49. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTHS năm 2021 đã có những sửa đổi góp phần bảo đảm tốt hơn quyền con người, đặc biệt là quyền của người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can.<sup>23</sup>

50. Thực hiện quy định của BLTTHS về ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh, Việt Nam đã ban hành Quyết định số 1172/QĐ-TTg ngày 11/9/2019 phê duyệt Đề án về cơ sở vật chất, bộ máy, cán bộ theo lộ trình cụ thể thực hiện việc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can. Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP ngày 01/02/2018 hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh, sử dụng, bảo quản lưu trữ kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử<sup>24</sup>. Việt Nam triển khai thực hiện trên thực tế việc ghi âm hoặc ghi hình có âm

<sup>23</sup> Ví dụ: bổ sung cơ sở pháp lý để giải quyết vụ án, vụ việc ở giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố trong trường hợp bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh (tại khoản 2, khoản 5 và khoản 6 Điều 1 đã bổ sung căn cứ “vì lý do bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh” là căn cứ tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, tạm đình chỉ điều tra và tạm đình chỉ vụ án lần lượt tại khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 229 và khoản 1 Điều 247 BLTTHS); tăng cường trách nhiệm của Công an xã trong hoạt động tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm;...

<sup>24</sup> Viện trưởng VKSND tối cao ban hành Quyết định số 202/QĐ-VKSTC ngày 05/6/2020 quy trình tạm thời thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong giai đoạn khởi tố, điều tra của Cơ quan điều tra của VKSND tối cao; Quyết định số 264/QĐ-VKSTC ngày 21/7/2020 quy định quy trình tạm thời kiểm sát việc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh của cơ quan có thẩm quyền điều tra; trực tiếp ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh khi hỏi cung bị can, lấy lời khai trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố.

thanh như đã xây dựng các phòng ghi âm, ghi hình có âm thanh, trang bị các máy móc, thiết bị để phục vụ việc hỏi cung bị can, lấy lời khai có ghi âm, ghi hình<sup>25</sup>;...

51. LXLVPHC quy định về biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính tạm giữ người theo thủ tục hành chính (Điều 122). Việc quy định tạm giữ người trong trường hợp nêu trên chỉ nhằm ngăn chặn, đình chỉ ngay hành vi vi phạm hành chính (mà những hành vi này chưa được xác định là hành vi phạm tội để áp dụng quy trình tố tụng) có thể xâm hại đến sức khỏe, tính mạng của người khác hay nói cách khác xâm phạm quyền dân sự, chính trị được quy định trong Công ước ICCPR. Do tính chất của biện pháp này là để bảo đảm áp dụng biện pháp xử lý hành chính phù hợp, LXLVPHC bên cạnh việc quy định hạn chế các trường hợp nhất định được áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính cũng quy định trình tự, thủ tục chặt chẽ phải tuân thủ khi áp dụng các biện pháp này và không quá 24 giờ kể từ thời điểm tạm giữ, nếu là vùng rừng núi, xa xôi hẻo lánh thì tính từ thời điểm người vi phạm được áp giải đến nơi tạm giữ, bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của công dân.

52. LXLVPHC quy định 04 biện pháp xử lý hành chính, được áp dụng đối với cá nhân vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà không phải là tội phạm. Bao gồm: (i) giáo dục tại xã, phường, thị trấn; (ii) đưa vào trường giáo dưỡng; (iii) đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; và (iv) đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trong đó, 03 biện pháp xử lý hành chính (đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc) là những biện pháp có thể hạn chế quyền tự do của đối tượng. Vì vậy, LXLVPHC quy định rất cụ thể về đối tượng, điều kiện, thẩm quyền, thủ tục và phải do TAND cấp huyện quyết định theo trình tự, thủ tục tố tụng, qua đó góp phần tăng cường tính công khai, minh bạch, dân chủ, bảo đảm khách quan, chính xác, bảo vệ tối đa quyền lợi hợp pháp của công dân.

53. Khoản 5 Điều 90 LXLVPHC đã bổ sung quy định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người từ đủ 14 tuổi trở lên (có nơi cư trú ổn định) đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi mà không có nơi cư trú ổn định thì được giao cho cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em để quản lý, giáo dục trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

54. Bên cạnh đó, LXLVPHC đã bổ sung quy định về việc áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi sử

<sup>25</sup> Ví dụ như tại trụ sở VKSND tối cao đã xây dựng 02 Phòng ghi âm, ghi hình có âm thanh;...

dụng trái phép chất ma túy khi có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 140 LXLVPHC. Việc xử lý chuyển hướng đối với NCTN vi phạm pháp luật luôn được xem xét và là ưu tiên hàng đầu. Biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình là biện pháp mang tính xã hội, dựa vào chính NCTN, cộng đồng và gia đình của NCTN để thực hiện giáo dục, quản lý NCTN tại gia đình và việc áp dụng biện pháp này không được coi là đã bị xử lý vi phạm hành chính.

55. Ngoài ra, LXLVPHC đã quy định bổ sung biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính “giáo dục dựa vào cộng đồng” tại Điều 140a LXLVPHC. Biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính áp dụng đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng có nơi cư trú ổn định, đang theo học tại cơ sở giáo dục và cha mẹ, người giám hộ cam kết bằng văn bản về việc quản lý, giáo dục. Về thủ tục, TAND quyết định áp dụng biện pháp giáo dục dựa vào cộng đồng. Đây là biện pháp xử lý chuyển hướng mới được bổ sung vào LXLVPHC, nhằm hạn chế việc phải thực hiện cách ly NCTN ra khỏi môi trường gia đình và xã hội để thực hiện việc giáo dục, quản lý họ tại gia đình, cộng đồng. Việc áp dụng biện pháp này không bị coi là đã bị xử lý vi phạm hành chính.

#### **Điều 10 và Đoạn số 30 Khuyến nghị**

56. Sau khi LTHAHS được thông qua, nhiều văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật đã được ban hành để áp dụng chung cho các phạm nhân, không phân biệt tội danh như: Nghị định số 59/2020/NĐ-CP ngày 27/5/2020 quy định cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự; Nghị định số 133/2020/NĐ-CP ngày 09/11/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của LTHAHS với những điều chỉnh theo hướng tăng quyền lợi của người chấp hành án hình sự; Thông tư số 12/2020/TT-BCA ngày 07/02/2020 quy định biểu mẫu, sổ sách về công tác thi hành án phạt tù, thi hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, theo dõi, quản lý người ở cơ sở lưu trú; Thông tư số 17/2020/TT-BCA ngày 18/02/2020 ban hành nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân; Thông tư số 45/2020/TT-BCA ngày 15/5/2020 quy định tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế khám, chữa bệnh cho phạm nhân, trại viên, học sinh và người bị tạm giữ, tạm giam.

57. Các cơ sở giam giữ đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước về các chế độ cho phạm nhân, chỗ ở đảm bảo trên 2m<sup>2</sup>/người. Tư trang, tài sản lưu ký của phạm nhân đều được lập biên bản, quản lý theo đúng quy định. Việt Nam đã tiến hành nhiều biện pháp khác nhau để xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các cơ sở giam giữ; buồng giam có đủ ánh sáng và không khí, vệ sinh sạch sẽ; thức ăn đầy đủ số lượng và chất lượng, phù hợp với từng đối tượng và tuân thủ theo đúng quy định pháp luật. Việt Nam đã có quy định cụ thể về chế độ ăn,

mặc, ở, lao động, chăm sóc sức khỏe cho phạm nhân và thực hiện nghiêm túc các quy định này.

58. Chế độ gửi, nhận quà, gặp mặt thân nhân được thực hiện nghiêm túc. Phạm nhân được gặp vợ hoặc chồng ở phòng riêng không quá 24 giờ (“buồng hạnh phúc”). Thân nhân của phạm nhân được thông báo địa chỉ nơi chấp hành án phạt tù của phạm nhân; được thông báo về tình hình chấp hành án của người đó theo quy định pháp luật. Phạm nhân được liên lạc với gia đình bằng hình thức liên lạc qua điện thoại, gửi thư và định kỳ hàng tháng được gặp thân nhân tại cơ sở giam giữ một lần, mỗi lần không quá 1 giờ và được nhận quà, tiền của thân nhân....

59. Ngay từ ngày đầu đến cơ sở giam giữ, 100% phạm nhân được khám, lập hồ sơ sức khỏe, lưu hồ sơ đúng quy định. Phạm nhân khi bị ốm được khám và cấp phát thuốc thông thường, điều trị tại bệnh xá. Phạm nhân mắc các bệnh truyền nhiễm được điều trị và cách ly tại bệnh xá, phạm nhân bị bệnh nặng vượt quá khả năng điều trị tại bệnh xá được chuyển lên bệnh viện tuyến trên điều trị. Hằng năm, các đơn vị định kỳ tổ chức phun thuốc phòng, chống các loại dịch bệnh, môi trường khu giam giữ đảm bảo cảnh quan, môi trường xanh, sạch, đẹp và chủ động xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch theo mùa. Ngoài ra, Việt Nam thực hiện Chương trình chống lao quốc gia, tổ chức khám sàng lọc phát hiện sớm bệnh lao, lao đa kháng thuốc cho phạm nhân; hỗ trợ tiền ăn thêm cho số phạm nhân lao đã kháng thuốc, trang bị máy X-quang phục vụ công tác phát hiện sớm bệnh lao; tổ chức khám, xét nghiệm tư vấn, chăm sóc điều trị ARV cho phạm nhân. Qua đó phạm nhân được điều trị lao, HIV/AIDS sức khỏe được nâng cao.

60. Đối với phạm nhân là người nước ngoài hoặc người Việt Nam mang quốc tịch nước ngoài đều được thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự theo đúng nguyên tắc, có phòng riêng; thực hiện các chế độ, chính sách giam giữ, giáo dục cải tạo, điều kiện sinh hoạt và cuộc sống của các phạm nhân được bảo đảm đầy đủ các quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam. Việt Nam đã tổ chức nhiều đoàn phóng viên báo chí trong nước và nước ngoài thăm trại giam, tiếp cận thông tin trực tiếp từ các phạm nhân là người Việt Nam và người nước ngoài đang chấp hành án.<sup>26</sup>

61. Các cơ sở giam giữ đều mở hồ sơ giam giữ từng đối tượng theo đúng quy định như biên bản bắt, quyết định tạm giữ, lệnh tạm giam, lệnh trích xuất, biên bản bàn giao người bị

---

<sup>26</sup> Ví dụ, vào tháng 12/2019, Việt Nam đã tổ chức cho phóng viên nước ngoài thường trú tại Việt Nam thăm trại giam Thủ Đức tại tỉnh Bình Thuận. Qua đó, tạo điều kiện cho phóng viên nắm được tình hình thực tế thực hiện các chế độ, chính sách giam giữ, giáo dục cải tạo, điều kiện sinh hoạt và cuộc sống của các phạm nhân được bảo đảm đầy đủ các quyền theo quy định pháp luật.

bắt, bản án, quyết định thi hành án của toà án; đồng thời tiến hành khám sức khỏe ban đầu; phổ biến nội quy và giải thích quyền và nghĩa vụ cho phạm nhân biết. Định kỳ phạm nhân được nhận xét, xếp loại chấp hành án phạt tù để phục vụ cho công tác tha tù trước thời hạn có điều kiện, giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, đặc xá

62. Việt Nam hoàn toàn không có tình trạng sử dụng biện pháp chuyển trại liên tục nhằm tách biệt các phạm nhân với gia đình của họ. Chỉ có một số ít phạm nhân đặc biệt nguy hiểm, tụ tập băng nhóm, gây mất an ninh, an toàn, cơ sở giam giữ mới xem xét điều chuyển đến cơ sở giam giữ khác để cách ly với số đối tượng thường xuyên vi phạm nội quy cơ sở giam giữ và quản lý chặt chẽ, phòng ngừa xảy ra các vụ việc phức tạp, bảo đảm an toàn cho các phạm nhân khác.

63. Việt Nam đã thiết lập hệ thống các cơ chế giám sát độc lập như cơ chế kiểm tra, giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận tổ quốc Việt Nam và đặc biệt là VKSND kiểm sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan tại tất cả các giai đoạn, từ khi tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự, trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự (Điều 7 LTHTGTG, Điều 6 LTHAHS, Điều 3 LTCVKSND). Việt Nam đã ban hành Chỉ thị số 06/CT-VKSNDTC ngày 18/6/2019 về đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự; Chỉ thị số 06/CT-VKSTC ngày 28/6/2021 về tăng cường trách nhiệm, hiệu quả thực hành quyền công tố, kiểm sát việc áp dụng và thi hành biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh trong điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự....

64. Việt Nam đang nghiên cứu, tìm hiểu về kinh nghiệm quốc tế trong việc tham gia Nghị định thư tùy chọn của Công ước CAT.

## **Điều 11**

65. Không hình sự hóa quan hệ kinh tế, dân sự, đồng thời xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật là một trong những chủ trương lớn của Việt Nam. Mọi người có quyền tự do kinh doanh, thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong các ngành nghề mà pháp luật không cấm (Điều 33 Hiến pháp năm 2013, Điều 5 Luật Đầu tư năm 2020, Điều 7 Luật Doanh nghiệp năm 2020). BLDS quy định rằng bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền (Điều 351). Đồng thời, chỉ người nào phạm một tội đã được BLHS quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự (Điều 2). BLHS quy định rõ một số trường hợp rủi ro

trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ không bị coi là tội phạm (Điều 25).<sup>27</sup>

### **Điều 12 và Đoạn số 42 Khuyến nghị**

66. Ở Việt Nam quyền tự do đi lại được quy định trong Hiến pháp năm 2013 và cụ thể hóa trong nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành, phù hợp với những tiêu chuẩn cơ bản về quyền tự do đi lại trong luật pháp quốc tế. Việc cơ quan thực thi pháp luật Việt Nam hạn chế quyền tự do đi lại trong một số trường hợp là tuân thủ theo pháp luật hiện hành và bảo đảm việc cấm đi lại là chính đáng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Công ước ICCPR. Việt Nam đang nghiên cứu gia nhập Nghị định thư về chống đưa người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường không, bổ sung cho Công ước của LHQ về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

67. Đối với công dân Việt Nam, LXCNCCDVN quy định về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Trong đó, các trường hợp tạm hoãn xuất cảnh gồm 09 nhóm đối tượng, trong đó đáng chú ý là các nhóm đối tượng sau: (i) Bị can, bị cáo; người bị tố giác; người bị kiến nghị khởi tố mà qua kiểm tra, xác minh có căn cứ xác định người đó bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần phải ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu huỷ chứng cứ theo quy định của BLTTHS; (ii) Người được tạm hoãn chấp hành án phạt tù, người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo trong thời gian thử thách, người chấp hành cải tạo không giam giữ trong thời gian chấp hành án theo quy định LTHAHS; (iii) Người có nghĩa vụ theo quy định pháp luật về tố tụng dân sự nếu có căn cứ cho thấy việc giải quyết vụ án có liên quan đến nghĩa vụ của họ đối với Nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân và việc xuất cảnh của họ ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc để đảm bảo việc thi hành án; (iv) Người mà cơ quan chức năng có căn cứ cho rằng việc xuất cảnh của họ ảnh hưởng đến an ninh quốc gia (Điều 36).

68. Đối với người nước ngoài, năm 2019 Việt Nam đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, trong đó quy định nhiều điểm mới về xuất nhập cảnh của người nước ngoài như: trình tự, thủ tục cấp thị thực điện tử; trường hợp được chuyển đổi mục đích thị thực; sửa đổi điều kiện xuất cảnh, nhập

<sup>27</sup> Bên cạnh đó, LXLVPHC quy định rõ “mọi hành vi vi phạm hành chính phải bị xử lý kịp thời” (Điều 3) và vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có một trong các quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm (nếu có) và văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (Điều 63).

cảnh; các trường hợp người nước ngoài được cấp thẻ tạm trú; bổ sung thêm trường hợp được miễn thị thực vào khu kinh tế ven biển theo quyết định của Chính phủ.

### **Điều 13**

69. Trục xuất là hình thức xử phạt chính hoặc xử phạt bổ sung theo quy định tại LXLVPHC (các Điều 21 và 27). Trục xuất cũng được xác định là một hình phạt chính hoặc bổ sung trong BLHS (Điều 32). Theo các quy định này, trục xuất chỉ được áp dụng đối với đối tượng là người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính tại Việt Nam hoặc người nước ngoài bị kết án hình sự.

70. LXLVPHC đã giao Chính phủ quy định chi tiết việc áp dụng hình thức xử phạt trục xuất. Ngày 31/12/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 142/2021/NĐ-CP quy định hình thức xử phạt trục xuất, biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính và quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trục xuất đã quy định chi tiết về trình tự, thủ tục, thẩm quyền trục xuất người theo thủ tục hành chính. Điều 7 Nghị định số 142/2021/NĐ-CP quy định người bị trục xuất được biết lý do bị trục xuất, nhận quyết định trục xuất chậm nhất 48 giờ trước khi thi hành; được yêu cầu có người phiên dịch khi làm việc với cơ quan, người có thẩm quyền; được thực hiện các chế độ quy định tại Nghị định số 65/2020/NĐ-CP ngày 10/6/2020 quy định về tổ chức và các chế độ đối với người lưu trú tại cơ sở lưu trú trong thời gian chờ xuất cảnh; được mang theo tài sản hợp pháp của mình ra khỏi lãnh thổ Việt Nam; được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo.

71. Từ 01/11/2018 – 31/12/2022, Việt Nam đã thực hiện trục xuất 378 người theo thủ tục hành chính do vi phạm pháp luật về xuất nhập cảnh theo thủ tục hành chính. Các đối tượng người nước ngoài bị trục xuất chủ yếu là các đối tượng nhập cảnh trái phép, không có nơi cư trú hợp pháp, vi phạm pháp luật Việt Nam.

### **Điều 14 và các Đoạn số 34, 36 Khuyến nghị**

72. Tại Việt Nam mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và bình đẳng trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng trước Tòa án, điều này được thể hiện ở Hiến pháp năm 2013 (Điều 16), BLTTDS (Điều 8), BLTTHS (Điều 9). Việc bảo đảm quyền độc lập, không thiên vị của Thẩm phán trong Hội đồng xét xử và tại phiên tòa được thể hiện rõ nét thông qua nguyên tắc Thẩm phán xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc các trường hợp phải từ chối, thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng (để đảm bảo họ vô tư, khách quan khi làm nhiệm vụ) đã được quy định trong Hiến pháp năm 2013 (Điều 103), BLTTHS (các Điều 21, 23, 49), BLTTDS (Điều 12), Luật Tổ chức TAND 2014, Pháp lệnh số 02/2022/UBTVQH15 ngày 18/8/2022 về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng và các văn



bản có liên quan. Việt Nam đang xây dựng Đề án “*Cải cách tư pháp tại TAND đến năm 2030, định hướng đến năm 2045*”.

73. Trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia và theo đề nghị của Chánh án TAND tối cao, từ năm 2019 đến 30/9/2022, Chủ tịch nước đã quyết định bổ nhiệm 1.736 Thẩm phán (gồm 08 Thẩm phán TAND tối cao, 104 Thẩm phán cao cấp, 847 Thẩm phán trung cấp, 1.409 Thẩm phán sơ cấp); bổ nhiệm lại 35 Thẩm phán cao cấp, 437 Thẩm phán trung cấp, 2.043 Thẩm phán sơ cấp; miễn nhiệm 20 Thẩm phán (gồm 05 Thẩm phán trung cấp, 15 Thẩm phán sơ cấp).

74. Pháp lệnh về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại TAND đã được Quốc hội thông qua vào ngày 13/12/2022. Pháp lệnh này quy định trình tự, thủ tục TAND xem xét, quyết định việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; trình tự, thủ tục xem xét, quyết định việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại; khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị và giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị trong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

75. Về sự độc lập, minh bạch, vô tư của Kiểm sát viên, Hiến pháp năm 2013 quy định VKSND thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp (khoản 2 Điều 109). VKSND có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân (Điều 107). Trên cơ sở quy định của Hiến pháp năm 2013, BLTTHS đã có các quy định nhằm cụ thể hoá nguyên tắc nêu trên (các Điều 49, 52). Theo quy định của LTCVKSND, Kiểm sát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn chung (Điều 75) và các tiêu chuẩn riêng cho từng ngạch Kiểm sát viên (các Điều 77, 78, 79, 80, 81). Việc bổ nhiệm Kiểm sát viên sơ cấp, trung cấp, cao cấp được thực hiện thông qua việc tổ chức thi tuyển. Việc bổ nhiệm Kiểm sát viên VKSND tối cao được thực hiện thông qua việc tuyển chọn bởi Hội đồng tuyển chọn. Chủ tịch Hội đồng tuyển chọn Kiểm sát viên VKSND tối cao là Viện trưởng VKSND tối cao; các ủy viên là đại diện lãnh đạo Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội luật gia Việt Nam. Danh sách ủy viên Hội đồng tuyển chọn Kiểm sát viên VKSND tối cao do UBTVQH quyết định theo đề nghị của Viện trưởng VKSND tối cao. Hội đồng tuyển chọn Kiểm sát viên VKSND tối cao làm việc theo chế độ tập thể; quyết định của Hội đồng tuyển chọn phải được quá nửa tổng số ủy viên biểu quyết tán thành (Điều 86 LTCVKSND).

76. Các cơ quan tiến hành tố tụng cử người bào chữa bắt buộc cho 100% bị can, bị cáo trong trường hợp bắt buộc phải có người bào chữa nhưng bị can, bị cáo không nhờ người bào chữa trong các trường hợp: bị can, bị cáo về tội mà BLHS quy định mức cao nhất của khung

hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình; người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi. Đối với những bị can, bị cáo không có điều kiện trả tiền cho người bào chữa thì người đó được bào chữa miễn phí nếu thuộc các trường hợp được quy định được áp dụng theo cơ chế trợ giúp pháp lý theo LTGPL. Cơ quan tố tụng chi trả 100% chi phí cho người phiên dịch trong quá trình giải quyết vụ án. Trong giai đoạn 2019-2021, đối với vụ án hình sự: số lượng luật sư tham gia ở giai đoạn sơ thẩm là 8.593, người bào chữa là 11.228, ở giai đoạn phúc thẩm là 2.838 và 217. Đối với án dân sự: số lượng luật sư tham gia ở giai đoạn sơ thẩm là 2.346, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là 738, giai đoạn phúc thẩm là 2.535 và 148. Số vụ việc trợ giúp pháp lý trong tố tụng đã ngày một tăng lên, từ năm 2019 đến năm 2022 là 68.862 vụ việc/tổng số 112.067 vụ việc (chiếm 61,4%). Riêng năm 2022, tổng số vụ việc tham gia tố tụng kết thúc là: 21.276 vụ việc (tăng 18,4% so với năm 2021). Số vụ việc tham gia bào chữa cho người bị buộc tội ngày một tăng lên (năm 2019: 8.210 vụ việc, năm 2020: 9.827 vụ việc, năm 2021: 11.821 vụ việc, năm 2022: 13.951 vụ việc).

**Bảng 2: Số lượng luật sư/cộng tác viên ký hợp đồng với Trung tâm trợ giúp pháp lý và trợ giúp viên pháp lý**

Năm	Trợ giúp viên pháp lý	Luật sư ký Hợp đồng với Trung tâm	Cộng tác viên ký Hợp đồng với Trung tâm	Tổng cộng
2019	645	533	132	<b>1.310</b>
2020	630	645	41	<b>1.316</b>
2021	666	663	38	<b>1.367</b>
2022	688	630	38	<b>1.356</b>

**Bảng 3: Kết quả trợ giúp pháp lý cho nhóm đối tượng dễ bị tổn thương tính từ 01/01/2019 đến 31/12/2022**

Nhóm người	Số vụ việc trợ giúp pháp lý
Có công với cách mạng	12.964
Người thuộc hộ nghèo	15.316
Dân tộc thiểu số	34.202
Vừa thuộc hộ nghèo vừa là dân tộc thiểu số	975
Trẻ em	13.175
Người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	15.702
Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo	5.658
Người khuyết tật có khó khăn về tài chính	6.677

Người cao tuổi có khó khăn về tài chính	4.880
Đối tượng khác có khó khăn về tài chính	2.532
<b>Tổng số</b>	<b>112.081</b>

### **Điều 15**

77. Nguyên tắc hồi tố trong pháp luật hình sự chỉ áp dụng trong trường hợp có lợi cho người phạm tội, đó là điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và quy định khác có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành (khoản 3 Điều 7 BLHS). Điều luật quy định một tội phạm mới, một hình phạt nặng hơn, một tình tiết tăng nặng mới hoặc hạn chế phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và quy định khác không có lợi cho người phạm tội, thì không được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành (khoản 2 Điều 7 BLHS).

78. Thực hiện Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành BLHS về áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội, trong thời gian từ 01/10/2018 đến 30/9/2022, các Tòa án đã chuyên hình phạt tù tử hình xuống chung thân đối với 12 trường hợp; miễn chấp hành hình phạt còn lại đối với 524 trường hợp; miễn chấp hành toàn bộ hình phạt đối với 183 trường hợp; xóa án tích đối với 126 trường hợp.<sup>28</sup>

### **Điều 16**

79. BLDS quy định cá nhân từ khi sinh ra có quyền được khai sinh; cá nhân chết phải được khai tử; việc khai sinh, khai tử do pháp luật về hộ tịch quy định (Điều 30). Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân có quyền dân sự và nghĩa vụ dân sự, có từ khi người đó sinh ra và chấm dứt khi người đó chết (Điều 16).

80. Kết quả thực hiện Đề án “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc” được xây dựng, vận hành trên cơ sở Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung triển khai ngay từ ngày Luật Hộ tịch có hiệu lực (01/01/2016). Sau 06 năm vận hành Phần mềm đăng ký, quản lý hộ

<sup>28</sup> Ví dụ: Bị cáo Đ.X.L, sinh ngày 20/12/1944 tại Nghệ An bị Tòa án tỉnh Nam Định tuyên phạt án tử hình về tội Mua bán trái phép chất ma túy (Bản án hình sự phúc thẩm số 131/2015/HSPT ngày 29/10/2015). Chánh án TANDTC và Viện trưởng VKSNDTC không kháng nghị bản án hình sự phúc thẩm nêu trên. Tính đến ngày 20/12/2020, người bị kết án tử hình Đ.X.L đã đủ 75 tuổi. Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 40 BLHS, khoản 2 Điều 367 BLTTHS, TANDTC đã đề nghị và được Chủ tịch nước ban hành Quyết định ân giảm án tử hình cho Đ.X.L xuống tù chung thân.

tịch tại tất cả các cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch trên toàn quốc từ Bộ Tư pháp tới xã với gần 20.000 tài khoản sử dụng hàng ngày đã đem lại thay đổi mạnh mẽ trong công tác hộ tịch, đáp ứng tốt nhu cầu lớn đăng ký hộ tịch của người dân, hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực này và từng bước kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (đối với khai sinh) và Bảo hiểm xã hội Việt Nam trong việc liên thông các thủ tục khai sinh và bảo hiểm; sẵn sàng kết nối, chia sẻ với các Cơ sở dữ liệu khác của Nhà nước theo quy định của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

81. Việc thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg như nêu tại đoạn số 17 trong đó có kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc” với “Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư”; xây dựng quy trình cấp số định danh cá nhân cho công dân đăng ký khai sinh tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài; thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thiết yếu thuộc lĩnh vực hộ tịch (đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký kết hôn), chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư... góp phần thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Luật Hộ tịch, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác hộ tịch, đăng ký hộ tịch trực tuyến, tạo điều kiện thuận lợi, giảm tối đa chi phí hành chính và thời gian đi lại cho người dân, góp phần đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm, ý thức tận tâm phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tư pháp, hộ tịch.

### **Điều 17**

82. Quyền được bảo vệ đời sống riêng tư được ghi nhận tại Hiến pháp năm 2013 (Điều 21), BLDS (Điều 38), LXLVPHC; BLHS (các Điều 158, 159 và 289), BLTTHS (Điều 8, 11 và 12) và nhiều luật khác có liên quan. Việc bảo đảm quyền được bảo vệ đời sống riêng tư đã được nêu tại các đoạn từ 161-165 Báo cáo CCPR/C/VNM/2017/3.

83. Từ tháng 7/2020 - 02/2022, các doanh nghiệp viễn thông đã chặn 268.575 thuê bao phát tán cuộc gọi có dấu hiệu nghi vấn là cuộc gọi rác, phát hiện và ngăn chặn 87.048.297 cuộc gọi có dấu hiệu lừa đảo giả mạo giúp đảm bảo an toàn, an ninh và trật tự xã hội cũng như quyền của người sử dụng dịch vụ. Năm 2022, Việt Nam đã xác định, xử lý 05 vụ việc sử dụng trạm BTS giả mạo để thực hiện các hành vi phát tán tin nhắn lừa đảo trên mạng viễn thông di động.

### **Điều 18 và Đoạn số 44 Khuyến nghị**

84. Việt Nam là quốc gia đa tôn giáo (Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội, Tứ Ân Hữu Nghĩa, Hồi giáo...). Theo ước tính hiện nay 95% dân số Việt Nam có đời sống tín ngưỡng, tôn giáo. Riêng tôn giáo có 43 tổ chức thuộc 16 tôn

giáo đã được Nhà nước công nhận tổ chức tôn giáo và cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, khoảng 26,5 triệu tín đồ (chiếm 27% dân số), khoảng 54.125 chức sắc, hơn 135.561 chức việc, hơn 29.658 cơ sở thờ tự. Tính đến hết tháng 12/2022, cả nước có 50.703 cơ sở tín ngưỡng, trong đó, có 15.205 cơ sở tín ngưỡng đã được xếp hạng di tích hoặc được các cấp đưa vào danh mục kiểm kê di tích của địa phương.

85. Việt Nam đã ban hành LTNTG và các văn bản hướng dẫn thi hành phù hợp với Điều 18 Công ước ICCPR. Để đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của con người, BLHS đã quy định tội danh cụ thể để xử lý hành vi xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác, đó là: Điều 164 về Tội xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác. Đồng thời, BLHS cũng quy định đối với hành vi lợi dụng các quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo xâm phạm lợi ích của Nhà nước; quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tại Điều 133. Việt Nam đang nghiên cứu, xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành LTNTG.

86. Các tổ chức tôn giáo tự chủ hoàn toàn về tài chính trong quá trình hoạt động. Nhà nước không can thiệp vào vấn đề tài chính do tổ chức tôn giáo và chức sắc, chức việc tôn giáo có thẩm quyền quản lý, sử dụng tài chính tự chịu trách nhiệm theo hiến chương, điều lệ, quy chế, nội quy của tôn giáo đó LTNTG và pháp luật có liên quan.

87. Theo quy định hiện hành của Luật Đất đai năm 2013 và Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2010, cơ sở tôn giáo sử dụng đất phi nông nghiệp thuộc trường hợp được nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất và thuộc đối tượng không chịu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (trừ trường hợp sử dụng đất vào mục đích kinh doanh), đất sử dụng vào mục đích tôn giáo do Nhà nước giao không phải nộp thuế sử dụng đất. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất cho các cơ sở tôn giáo trong những năm gần đây đã được chính quyền quan tâm thực hiện, đạt kết quả tích cực. Tính đến tháng 11/2022 trên phạm vi toàn quốc, số lượng cơ sở tôn giáo được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chiếm khoảng 70%. Nhiều cơ sở tôn giáo đã được cấp hàng chục héc-ta đất để sinh hoạt tôn giáo, đáp ứng nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng của tín đồ.

88. Trong những năm gần đây, đặc biệt sau khi triển khai LTNTG, hoạt động quan hệ quốc tế của các tổ chức, cá nhân tôn giáo diễn ra hết sức sôi nổi, phong phú về cấp độ, số lượng và

phạm vi hoạt động<sup>29</sup>. Tháng 10/2019, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đã tổ chức trao quyết định công nhận 01 tổ chức tôn giáo (Giáo hội Phúc âm ngũ tuần Việt Nam), cấp chứng nhận đăng kí hoạt động tôn giáo cho 01 tổ chức (Giáo hội Các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su-Ky-tô), nâng tổng số tôn giáo đã được Nhà nước công nhận lên 43 tổ chức thuộc 16 tôn giáo. Nhà nước đảm bảo và tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo. Hiện nay, Việt Nam có 62 cơ sở đào tạo tôn giáo tại 36 tỉnh, thành phố. Năm 2020, 01 cơ sở đào tạo của Giáo hội Công giáo Việt Nam được thành lập (Đại chủng viện Thánh Tâm Thái Bình).

**Điều 19, 20, các Đoạn số 46, 52 Khuyến nghị và Báo cáo CCPR/C/136/2/Add.4**

89. Nội dung này cần được xem xét đầy đủ trong mối liên hệ với Báo cáo giữa kỳ đã được nộp vào tháng 3/2021.

90. Đảm bảo quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và quyền được thông tin cho mọi người dân là chính sách nhất quán của Nhà nước Việt Nam. Các quyền này được bảo đảm thông qua việc: (i) hỗ trợ báo chí, xuất bản phát triển; (ii) tạo điều kiện để người dân tìm kiếm, tiếp cận, biểu đạt, trao đổi thông tin một cách tự do và (iii) thực hiện các biện pháp quản lý cần thiết, phù hợp để ngăn chặn các hành vi lợi dụng quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí để xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân cũng như môi trường mạng lành mạnh.

91. Tính đến ngày 30/12/2022, Việt Nam có 06 cơ quan truyền thông đa phương tiện chủ lực, 127 cơ quan báo, 670 cơ quan tạp chí, 72 cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình gồm 67 Đài Phát thanh truyền hình Trung ương và địa phương, 05 đơn vị hoạt động truyền hình không có hạ tầng phát sóng riêng; 77 kênh phát thanh, 194 kênh truyền hình, 57 kênh truyền hình nước ngoài cung cấp trên truyền hình trả tiền Việt Nam; 9.792 đài truyền thanh cấp xã (trong đó có 634 đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông).

92. BLHS đã bổ sung quy định để bảo vệ, xử lý nghiêm khắc các hành vi xâm phạm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin (Điều 167- Tội xâm phạm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân).

93. Việt Nam đã tiến hành sơ kết, đánh giá việc thực hiện Luật Báo chí năm 2016 và Luật Xuất bản năm 2012 nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này và đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong hoạt động báo chí. Các Luật này đang được đề xuất đưa vào chương trình xây dựng luật của Quốc hội giai đoạn 2023 - 2025. Việc sửa đổi Luật Báo chí đang được đề xuất

---

<sup>29</sup> Nhiều hoạt động tôn giáo quốc tế lớn như Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc VESAK vào năm 2014, 2019, Tổng hội dòng Đa Minh thế giới... đã được đăng cai và tổ chức thành công tại Việt Nam. Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được sinh hoạt tôn giáo tập trung, mời chức sắc nước ngoài hoặc chức sắc Việt Nam giảng đạo, mang theo xuất bản phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo để phục vụ nhu cầu sinh hoạt tôn giáo theo quy định của pháp luật Việt Nam từ nước ngoài vào Việt Nam...

theo hướng mở rộng nội hàm để bao quát rộng hơn, phù hợp với bối cảnh phát triển khoa học công nghệ và truyền thông hiện nay, sẽ là một bước tiến quan trọng, trong đó làm rõ khái niệm, thúc đẩy phát triển tổ hợp báo chí; hệ sinh thái báo chí, báo chí dữ liệu.

94. Vấn đề tự do, công khai minh bạch thông tin được Nhà nước coi trọng, đề cao trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước trong phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí; tạo thuận lợi cho các phương tiện truyền thông tác nghiệp như: phát thanh, truyền hình đã truyền hình trực tiếp các phiên trả lời chất vấn của các thành viên Chính phủ trước Quốc hội; họp báo thường kỳ của Chính phủ, Quốc hội và các bộ, ngành, địa phương theo quy định về trách nhiệm phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước. Ngày 24/11/2022, Thủ tướng Chính phủ chủ trì Hội nghị trực tuyến toàn quốc về công tác truyền thông chính sách với chủ đề “Nhận thức - Hành động - Nguồn lực”, nhằm thảo luận về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các giải pháp nâng cao hiệu quả của công tác truyền thông chính sách, phản biện chính sách từ quá trình đề xuất chính sách đến giám sát việc thực thi chính sách có tác động lớn đến người dân, xã hội.

95. Về thúc đẩy truyền thông tư nhân, Luật Báo chí 2016 quy định: các doanh nghiệp, tổ chức được phép xuất bản tin theo quy định tại khoản 18 Điều 3 và Điều 34; các cơ sở giáo dục đại học theo quy định của Luật Giáo dục đại học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tổ chức dưới hình thức viện hàn lâm, viện theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; bệnh viện cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên được thành lập tạp chí khoa học (khoản 2 Điều 14). Mọi người dân đều có quyền sáng tạo tác phẩm báo chí, cung cấp thông tin cho báo chí và phản hồi thông tin cho báo chí... (Điều 10). Các phương tiện truyền thông ở Việt Nam được hoạt động tự do, báo chí ở Việt Nam không bị kiểm duyệt trước khi in, truyền dẫn và phát sóng theo quy định Điều 13 Luật Báo chí năm 2016 và khoản 2 Điều 5 Luật Xuất bản năm 2012.

96. Nhà nước đầu tư, hỗ trợ phát triển hạ tầng di động, internet và truyền thông xã hội tạo điều kiện để người dân tìm kiếm, tiếp cận, biểu đạt, trao đổi thông tin một cách tự do, dễ dàng. Sau 25 năm kết nối internet, Việt Nam đã trở thành một nước mạnh về viễn thông - internet với công nghệ hiện đại, mức phổ cập internet cao. Tính đến tháng 12/2022, Việt Nam có hơn 72,1 triệu người sử dụng internet (chiếm 73,2% dân số), xếp thứ 13 thế giới về số lượng người dùng. Số lượng thuê bao di động sử dụng điện thoại thông minh là 94,2 triệu, số thuê bao băng rộng di động là 82,2 triệu, đạt tỉ lệ 74,3% dân số. Mạng lưới viễn thông tiếp tục được hiện đại hóa và phát triển rộng khắp với mức phủ sóng đạt 99,73% số thôn trên toàn quốc, trong đó mạng 3G và 4G phục vụ 98% dân số; 19,79 triệu hộ gia đình có cáp quang, đạt 72,4%. Hệ thống cáp quang đã triển khai tới 100% các xã, phường, thị trấn, 91% thôn bản,

100% trường học. Nhà nước bố trí nguồn lực thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia; chương trình viễn thông công ích để trang bị hạ tầng truyền thông giúp thu hẹp khoảng cách tiếp cận thông tin giữa các vùng miền, dân tộc trên cả nước.

97. Nhằm bảo đảm môi trường thông tin mạng lành mạnh, an toàn và đấu tranh chống tin giả, tin xấu độc, Việt Nam đang nỗ lực không ngừng trong việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về thông tin và an ninh mạng. Quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực này đã có tham khảo kinh nghiệm quốc tế của các nước, các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; lấy ý kiến nhiều lần của các cơ quan, tổ chức có liên quan, các doanh nghiệp trong và ngoài nước và người dân để ban hành các quy định phù hợp. Việt Nam đã ban hành Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/2/2020 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022) quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử, trong đó quy định rõ hơn về hành vi vi phạm các quy định về trách nhiệm sử dụng dịch vụ mạng xã hội, an toàn thông tin mạng.... Đồng thời, Việt Nam cũng tham gia tích cực, theo dõi sát tiến trình đàm phán Công ước quốc tế toàn diện về chống sử dụng công nghệ thông tin cho mục đích tội phạm mạng. Trong giai đoạn 2019-2022, Việt Nam đã ký kết một số thoả thuận quốc tế về hợp tác trong lĩnh vực an ninh mạng như: Bản ghi nhớ giữa Bộ Quốc phòng Việt Nam và Bộ Quốc phòng Nhật Bản về hợp tác an ninh mạng năm 2021 và Bản ghi nhớ giữa Bộ Công an Việt Nam và Bộ Truyền thông và Thông tin Singapore về hợp tác an ninh mạng, phòng, chống tội phạm mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2022. Ngoài ra, đối với một số văn bản mà UBNQ nêu tại Báo cáo CCPR/C/136/2/Add.4 về quyền tự do biểu đạt, xin xem thông tin chi tiết tại Phụ lục 5.

98. Kể từ khi Luật An ninh mạng năm 2018 có hiệu lực, các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng bị phát hiện, xử lý đã góp phần bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Theo báo cáo xếp hạng An toàn an ninh mạng toàn cầu (GCI) năm 2020 do Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU) công bố, Việt Nam đã tăng 25 bậc trong 2 năm, vươn lên vị trí thứ 25 trong tổng số 194 quốc gia, vùng lãnh thổ và đứng thứ 7 trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương và thứ 4 trong Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á. Việt Nam đã ban hành Nghị định số 53/2022/NĐ-CP ngày 15/8/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng năm 2018.

99. Luật An ninh mạng năm 2018 không cản trở, không hạn chế quyền tự do biểu đạt trên không gian mạng. Ngược lại, tôn chỉ, mục đích của Luật này là bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên không gian mạng cũng như bảo vệ các quyền căn bản của công dân trên không gian mạng (quyền



sống, quyền tự do, quyền không can thiệp vào đời tư, quyền không bị xâm hại danh dự hay uy tín cá nhân; bảo vệ bí mật cá nhân, bí mật gia đình, bí mật thư tín; bảo vệ quyền trẻ em...) và đã được thể hiện tại các điều khoản cụ thể trong Luật. Ở khía cạnh rộng hơn, Luật An ninh mạng năm 2018 hướng tới mục tiêu xây dựng một không gian mạng an toàn và lành mạnh; qua đó, bảo đảm cho mọi công dân được sinh sống và hoạt động trong một môi trường xã hội ổn định, phát triển. Các Điều 8 và 18 Luật này chỉ quy định các hành vi bị cấm trên không gian mạng có thể gây nguy hại tới an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, cụ thể hóa các hành vi bị coi là vi phạm pháp luật theo quy định của BLHS, phù hợp với Hiến pháp năm 2013 cũng như tương thích với khoản 3 Điều 19 Công ước ICCPR.

### **Điều 21 và Đoạn số 48 Khuyến nghị**

100. Mọi cá nhân đều bình đẳng trước pháp luật và được hưởng mọi quyền hiến định, trong đó có quyền tự do hội họp hoà bình. Việc thực hiện các quyền này phải trên cơ sở quy định pháp luật, tôn trọng quyền, lợi ích của cộng đồng và có thể bị hạn chế trong một số trường hợp cần thiết theo các yêu cầu được Hiến pháp năm 2013 cho phép, trong đó có lý do vì “trật tự, an toàn xã hội”. Không cá nhân, tổ chức nào ở Việt Nam bị đe dọa, tấn công, trả thù vì lý do tham gia các hoạt động trong phạm vi các quyền của cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, đặc biệt là việc tiếp xúc hoặc hợp tác với cơ quan LHQ.

101. Tại Việt Nam, các hoạt động diễu hành, tuần hành, mít tinh... nhân dịp các sự kiện văn hoá, kinh tế, xã hội hoặc bày tỏ ý kiến về các vấn đề liên quan một cách hoà bình, tuân thủ quy định pháp luật được Nhà nước tôn trọng và bảo đảm như sự kiện của cộng đồng LGBT diễu hành trên phố đi bộ ở Hà Nội (9/2022), các hoạt động diễu hành tuyên truyền về ứng phó với biến đổi khí hậu tại tỉnh Quảng Ninh (7/2021), hoạt động thường niên kỷ niệm ngày nhân quyền thế giới (10/12) tại các địa phương trong cả nước... Tuy nhiên, một số cá nhân, tổ chức đã lợi dụng các vấn đề về tôn giáo, quyền lao động, thu hồi đất và ô nhiễm môi trường biển để tập hợp, lôi kéo, kích động người dân gây rối, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Những người tham gia các cuộc biểu tình được nêu tại Đoạn 47 Khuyến nghị đã đốt phá tài sản, tấn công lực lượng cảnh sát, cản trở hoạt động của các cơ quan chức năng..., gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình trật tự, an toàn xã hội tại nhiều địa phương như thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Thuận... Do vậy, Việt Nam đã tiến hành các biện pháp cần thiết, phù hợp với yêu cầu tại Điều 21 Công ước ICCPR, để ngăn chặn các hoạt động lợi dụng quyền tự do hội họp, biểu tình gây mất ổn định trật tự an toàn xã hội, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xâm phạm quyền và lợi ích chính đáng của Nhà nước

và công dân. Các biện pháp thực hiện không mang tính chất đàn áp và luôn tôn trọng nguyên tắc hợp pháp, cần thiết và tương xứng.

102. BLHS đã hình sự hóa hành vi sử dụng vũ lực quá mức trong khi thi hành công vụ của cơ quan thi hành pháp luật, cụ thể Điều 127 (Tội làm chết người trong khi thi hành công vụ); Điều 137 (Tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong khi thi hành công vụ). Định kỳ hàng năm, các cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang đều được tổ chức tập huấn quân sự, điều lệnh để rèn luyện kỹ cương tác phong, phòng ngừa các hành vi sử dụng vũ lực quá mức của cán bộ, chiến sĩ trong thi hành công vụ.

### **Điều 22 và Đoạn số 50 Khuyến nghị**

103. Quyền lập hội là một trong các quyền cơ bản của công dân đã được Hiến pháp năm 2013 ghi nhận. Để thực hiện quyền lập hội của công dân, ngay sau khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được thành lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành Sắc lệnh số 52 ngày 22/4/1946 về hội và Sắc lệnh số 102/SL/L004 ngày 20/5/1957 về Luật quy định quyền lập hội. Đến nay, Sắc lệnh số 102/SL/L004 vẫn còn hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, nhiều quy định của Sắc lệnh này đến nay cần được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với điều kiện thực tiễn về tổ chức, hoạt động của hội. Trong khi dự án Luật về hội đang được tiếp tục được nghiên cứu, Việt Nam đang tiến hành xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

104. Tính đến tháng 12/2022, Việt Nam có 93.438 hội (trong đó gồm 584 hội hoạt động phạm vi cả nước hoặc liên tỉnh và 92.854 hội hoạt động phạm vi địa phương; cả nước có 124.889 công đoàn cơ sở, với tổng số 11.071.635 đoàn viên công đoàn. Tỷ lệ bình quân đoàn viên trên công nhân lao động ở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đã có tổ chức công đoàn là 93,1%.

105. Các hồ sơ đề nghị thành lập hội đều đảm bảo quy định của pháp luật, được cơ quan có thẩm quyền thụ lý giải quyết theo quy định. Tính đến 12/2022, chưa có trường hợp hội nào bị từ chối thành lập.

106. BLLĐ đã có quy định về tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở (Chương XIII), trong đó quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong quan hệ lao động (Điều 178) và có các quy định để đảm bảo tổ chức đại diện của người lao động tại cơ sở không bị chi phối bởi người sử dụng lao động như (i) các hành vi bị nghiêm cấm đối với người sử dụng lao động liên quan đến thành lập, gia nhập và hoạt động của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở (Điều 175); (ii) quyền của thành viên ban lãnh đạo của tổ chức

đại diện người lao động tại cơ sở (Điều 176) và (iii) nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở (Điều 177).

107. Tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở bao gồm Công đoàn cơ sở và Tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp. Hai tổ chức này bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ trong việc đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động trong quan hệ lao động. Các quyền liên quan đến công đoàn bao gồm quyền đình công được quy định tại các Điều 198, 199 BLLĐ. Trong giai đoạn từ tháng 3/2019 đến hết tháng 12/2022, không có trường hợp nào tổ chức công đoàn bị từ chối đăng ký.

### **Điều 23**

108. Quyền kết hôn, lập gia đình và bình đẳng trong hôn nhân đã được nêu tại các đoạn từ 202-210 Báo cáo CCPR/C/VNM/2017/3.

109. Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2015 – 2025” tiếp tục được triển khai hiệu quả trong thời gian qua. 48/51 tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án giai đoạn 2021 – 2025 (giai đoạn 2). Các cơ quan công tác dân tộc địa phương đã tổ chức 120.774 hoạt động truyền thông về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống với 4.070.148 người tham gia.

110. Tỷ lệ tảo hôn trong vùng dân tộc thiểu số có xu hướng giảm dần (năm 2019 là 21,9%, giảm 4,7% so với năm 2015, tương ứng với mức giảm trung bình khoảng xấp xỉ 1%/năm). Tình trạng kết hôn cận huyết thống của người dân tộc thiểu số có xu hướng giảm nhưng vẫn cần nhiều nỗ lực hơn. Tỷ lệ người dân tộc thiểu số kết hôn cận huyết thống năm 2019 là 5,6‰, giảm 0,9‰ so với năm 2015 (6,5‰). Một số dân tộc thiểu số có tỷ lệ hôn nhân cận huyết thống cao năm 2015, đến năm 2019 đã không còn tình trạng này như Mạ, Mảng, Cơ Ho, Kháng, Chứt.

111. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 đã được Quốc hội thông qua, trong đó dành riêng Tiểu dự án 2 của Dự án 8 về Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, trong đó có chỉ tiêu “Cơ bản ngăn chặn tình trạng tảo hôn trong vùng dân tộc thiểu số” và “Giảm 50% số cặp tảo hôn”.

## **Điều 24 và Đoạn số 38 Khuyến nghị**

112. Nội dung này cần được xem xét đầy đủ trong mối liên hệ với Báo cáo quốc gia định kỳ lần 5 và 6 về tình hình thực hiện Công ước CRC và Báo cáo quốc gia về thực hiện quyền con người ở Việt Nam theo Cơ chế UPR chu kỳ III.

113. Luật Tư pháp NCTN hiện đang được TAND tối cao đề nghị UBTVQH đưa vào Chương trình xây dựng luật năm 2024. Hiện nay các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đang tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi quy định hiện hành về tuổi trẻ em thành “*trẻ em là người dưới 18 tuổi*” nhằm tiệm cận hơn với quy định của Công ước CRC, các khuyến nghị của UBNQ và Ủy ban về Quyền trẻ em. Việt Nam cũng đã ban hành Thông tư số 43/2021/TT-BCA ngày 22/04/2021 quy định trách nhiệm của lực lượng Công an nhân dân trong việc thực hiện một số trình tự, thủ tục tố tụng hình sự thân thiện trong quá trình tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, điều tra vụ án xâm hại người dưới 18 tuổi.

114. Kết quả Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2019 cho thấy tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh đạt 98,8%. Kết quả này đã vượt mục tiêu về đăng ký khai sinh tại Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 (mục tiêu đến năm 2020 có 97% trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh). Trong giai đoạn từ 2019-2022, Việt Nam tiếp tục có nhiều nỗ lực để đảm bảo quyền được khai sinh và hạn chế tình trạng không có quốc tịch của trẻ em thông qua nhiều biện pháp.<sup>30</sup>

115. Tính đến nay, trong hệ thống Tòa án đã thành lập được 38 Tòa gia đình và NCTN thuộc các TAND cấp cao và TAND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Các quyền bình đẳng trước Tòa án, quyền được suy đoán vô tội và các bảo đảm tố tụng dành cho bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự, trong đó có tố tụng áp dụng cho NCTN... đã được ghi nhận và bảo đảm trong các hoạt động tư pháp.

116. Bên cạnh các khóa tập huấn cho đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán các cấp được quán triệt các nội dung liên quan đến quy định mới của pháp luật, đặc biệt là các quy định liên quan đến quyền con người được quy định trong Hiến pháp năm 2013, BLTTHS, BLHS, LTHAHS, Luật Đặc xá, BLDS, BLTTDS, các Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán phụ trách xử lý các vụ án đối với NCTN phạm tội được quan tâm đào tạo, tập huấn chuyên môn về kỹ năng tư pháp NCTN. Hằng năm, các cơ sở đào tạo trong Ngành Công an, Kiểm sát, Tòa án đều xây dựng chương trình đào tạo ngắn hạn để tổ chức tập huấn cho Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán trực tiếp xử lý, xét xử các vụ án liên quan đến NCTN.

---

<sup>30</sup> Phần III Phụ lục 1

117. Phạm nhân là NCTN phạm tội (người dưới 18 tuổi) được tổ chức giam giữ riêng theo quy định của LTHAHS. Khi đủ 18 tuổi thì chuyển sang giam giữ và thực hiện chế độ đối với người đủ 18 tuổi trở lên. Phạm nhân là người dưới 18 tuổi được thực hiện bắt buộc chương trình tiểu học, phổ cập trung học cơ sở, được học văn hóa tất cả các ngày trong tuần (trừ thứ 7, chủ nhật, ngày lễ, tết); được giáo dục chuẩn mực đạo đức, các kỹ năng sống cơ bản; được phổ biến thời sự, chính sách, pháp luật, giáo dục công dân; được tư vấn, trợ giúp về tâm lý, giáo dục và hỗ trợ các thủ tục pháp lý cần thiết để thuận lợi tái hòa nhập cộng đồng; được ưu tiên bố trí học nghề, nâng cao tay nghề theo nguyện vọng phù hợp với độ tuổi, sức khỏe, trình độ văn hóa, giới tính và điều kiện thực tế của cơ sở giam giữ.

118. Ngoài ra, người dưới 18 tuổi chấp hành xong hình phạt tù khi trở về cộng đồng được ưu tiên đào tạo nghề và hỗ trợ vay vốn để có việc làm. Nhà nước ưu tiên xem xét, hỗ trợ vay vốn, khuyến khích cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện các hoạt động tư vấn, dạy nghề, giới thiệu việc làm, giúp đỡ những người chấp hành xong án phạt tù vào làm việc trong các cơ quan tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh; ưu tiên thuê nhà, cơ sở hạ tầng của nhà nước theo quy định của pháp luật để thành lập các cơ sở giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù tái hòa nhập cộng đồng.

#### **Điều 25 và Đoạn số 54 Khuyến nghị**

119. Tham gia tích cực và chủ động vào đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước là quyền hiến định của mọi người dân Việt Nam, giúp người dân phát huy quyền làm chủ, góp phần cải thiện hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật ở địa phương (khoản 1 Điều 28 Hiến pháp năm 2013). Trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bên cạnh quy định cơ quan chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và cơ quan, tổ chức có liên quan, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) đã bổ sung quy định về thực hiện phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (Điều 6).

120. Việt Nam đã ban hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 nhằm thể chế hóa phương châm dân biết, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng. Luật quy định về nội dung, cách thức, thực hiện dân chủ ở cơ sở, quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở sở và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

121. Triển khai thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA), Việt Nam đã thành lập Nhóm tư vấn trong nước (DAG) Việt Nam, gồm thành viên là các hiệp hội, tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận được thành lập và hoạt động hợp pháp tại

Việt Nam liên quan đến thương mại và phát triển bền vững. Các thành viên của DAG hoạt động độc lập với cơ quan nhà nước, chức năng của DAG là được tham gia ý kiến, đưa ra khuyến nghị về tình hình thực thi Chương Thương mại và Phát triển bền vững của Hiệp định EVFTA trong đó có các vấn đề về lao động, môi trường gắn với các quyền được quy định trong Công ước ICCPR.

122. Theo quy định của pháp luật Việt Nam, mọi hành vi vi phạm quyền ứng cử, bầu cử của công dân đều bị xử lý theo quy định. BLHS quy định 02 tội danh liên quan trực tiếp đến nội dung này gồm Điều 160 (Tội xâm phạm quyền của công dân về bầu cử, ứng cử hoặc biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân), và Điều 161 (Tội làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân). Kết quả cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021– 2026 với tổng số cử tri tham gia bỏ phiếu là 69.243.939 người (đạt 99,60%) đã thể hiện ý thức chính trị và trách nhiệm công dân, đặc biệt trong điều kiện khó khăn, phức tạp do đại dịch COVID-19 gây ra.

123. Số lượng đại biểu Quốc hội nhiệm kỳ 2021 – 2026 tự ứng cử tăng gấp đôi so với nhiệm kỳ 2016 – 2021. Điều này thể hiện rõ nguyên tắc dân chủ trong ứng cử và bầu cử. Bất kỳ công dân nào đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội đều có thể được cử tri tín nhiệm, bầu làm đại biểu Quốc hội.

124. Theo kết quả của Điều tra Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) phát hành vào tháng 5/2022 do LHQ phối hợp với Mặt trận tổ quốc Việt Nam thực hiện, dù bộ máy chính quyền chịu tác động nhiều mặt của đại dịch COVID-19, người dân ghi nhận sự cải thiện ở các mặt về cơ sở hạ tầng cơ bản và an ninh, trật tự ở địa phương, thể hiện qua mức độ hài lòng cao hơn với chất lượng đường xá, tiếp cận nước sạch, thu gom rác thải, cũng như ít phải đối mặt với tội phạm hơn trước. Tỷ lệ dân số hài lòng về dịch vụ công về cơ bản vẫn được duy trì. Điều này là do tác động tích cực của việc đẩy mạnh cải cách hành chính công thông qua ứng dụng công nghệ, thực hiện cải cách hành chính cấp độ 3, 4.

125. Việt Nam đã ban hành Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với quan điểm “lấy người dân làm trung tâm của chuyển đổi số” (Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020). Tầm nhìn đến năm 2030 của Chương trình là Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp. Một trong những mục tiêu cơ bản đến năm 2025 là “100% cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử bao gồm các

CSDLQGVC, Đất đai, Đăng ký doanh nghiệp, Tài chính, Bảo hiểm được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên toàn quốc; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội”. Điều này sẽ giúp người dân được thụ hưởng các dịch vụ, tiện ích xã hội nhờ công nghệ số và không ai bị bỏ lại phía sau.

126. Việt Nam đã ban hành Quyết định số 407/QĐ-TTg 30/3/2022 phê duyệt Đề án Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027. Quyết định này nhằm góp phần bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa công tác xây dựng pháp luật với công tác tổ chức thi hành pháp luật, PBGDPL; tạo điều kiện để người dân, tổ chức, doanh nghiệp góp ý, phản biện trong quá trình đề xuất chính sách, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo hướng lấy người dân làm trung tâm, tăng cường dân chủ, phát huy quyền con người, quyền công dân trong tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, hướng tới xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

#### **Điều 27 và Đoạn số 56 Khuyến nghị**

127. Nội dung này cần được xem xét đầy đủ trong mối liên hệ với Báo cáo quốc gia định kỳ ghép lần 15 đến 17 về tình hình thực hiện Công ước CERD.

128. Chính phủ Việt Nam luôn dành ưu tiên nguồn lực đầu tư, hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Các Chương trình mục tiêu quốc gia đặt người dân tộc thiểu số là nhóm hưởng lợi chính. Các chương trình, chính sách dân tộc hướng đến nhiều lĩnh vực như: đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội đồng bộ, liên vùng; phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em. Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và phát huy lợi thế, tiềm năng của vùng và tinh thần tự lực của đồng bào dân tộc thiểu số. Ngày 14/10/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025<sup>31</sup>.

---

<sup>31</sup> Phụ lục 4

129. Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số theo chuẩn nghèo đa chiều giảm trên 3%/năm, tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm 4-5%/năm. Các quy định luật pháp và chính sách đặc thù của Việt Nam đã giúp người dân tộc thiểu số tiếp cận các địa điểm dịch vụ một cách thuận lợi và đầy đủ hơn, đặc biệt là cơ sở hạ tầng thiết yếu được quan tâm đầu tư phát triển, như 98,6% hộ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng điện thường xuyên, 93,5% người dân tộc thiểu số được cấp thẻ bảo hiểm y tế trên địa bàn. Hoạt động truyền thông được đẩy mạnh trong cả nước đã góp phần nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của người dân nông thôn về sử dụng nước sạch<sup>32</sup>, hố xí hợp vệ sinh<sup>33</sup>, thực hành các hành vi vệ sinh và bảo vệ môi trường.

130. Việt Nam đã triển khai các hoạt động, nhiệm vụ sưu tầm, nghiên cứu, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa tiêu biểu gắn với các dân tộc thiểu số tại Việt Nam; xây dựng, triển khai một số đề án, dự án quan trọng hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống<sup>34</sup>. Đặc biệt, Việt Nam tích cực triển khai công tác xây dựng hồ sơ trình UNESCO và phục vụ cho Kế hoạch hành động bảo tồn các di sản văn hóa phi vật thể đã được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại<sup>35</sup>.

131. Việt Nam đã đưa tiếng dân tộc thiểu số vào Chương trình giáo dục phổ thông (Ba Na, Chăm, Ê Đê, Gia Rai, Khmer, Mông) và dạy thực nghiệm các tiếng dân tộc thiểu số khác (gồm Hoa, Thái, Cơ Tu, Tà Ôi, PaKo...). Hiện đang có 23 tỉnh, thành phố thực hiện dạy và học tiếng dân tộc trong trường phổ thông (Sóc Trăng, Trà Vinh, Bình Phước, Tây Ninh, Kiên Giang, Cà Mau, Cần Thơ, An Giang, Bạc Liêu, Vĩnh Long, Hậu Giang, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Nghệ An, Lào Cai, Yên Bái, Sơn La, Điện Biên, Thành phố Hồ Chí Minh).

132. Chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc được tăng cả số lượng đài và thời lượng phát sóng. Người dân tộc thiểu số được theo dõi các chương trình bằng nhiều thứ tiếng dân tộc phù hợp với văn hóa của từng vùng miền; riêng Kênh VTV5 Đài Truyền hình Việt Nam đã sản xuất, phát sóng 22 thứ tiếng dân tộc thiểu số.

133. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tổ chức tôn giáo trong đó có người dân tộc thiểu số được hưởng đầy đủ các quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo quy định tại các văn bản về tín ngưỡng, tôn giáo. Chính sách của Nhà nước Việt Nam trên lĩnh vực tôn giáo đã bảo

<sup>32</sup> Năm 2019, tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước sạch đã đạt 88,6%

<sup>33</sup> Năm 2019, tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số sử dụng hố xí hợp vệ sinh đạt 59,6%

<sup>34</sup> Phần III Phụ lục 1

<sup>35</sup> Một số di sản văn hóa tiêu biểu của các dân tộc thiểu số tại Việt Nam đã được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại như: Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam (12/2019), Nghệ thuật Xòe Thái (12/2021)", Nghệ thuật làm gốm của người Chăm (11/2022)...



đảm sự đa dạng, hòa hợp và bình đẳng tôn giáo, không có sự kỳ thị giữa người dân tộc thiểu số theo tôn giáo và người Kinh theo tôn giáo; sinh hoạt tôn giáo tập trung được tạo điều kiện; các tổ chức tôn giáo được phép thành lập trường đào tạo, mở lớp bồi dưỡng những người chuyên hoạt động tôn giáo để đáp ứng nhu cầu của tổ chức tôn giáo; tạo điều kiện thuận lợi để xuất bản kinh sách, đồ dùng việc đạo. Các tín đồ tôn giáo người dân tộc thiểu số được tạo điều kiện tham gia hoạt động quốc tế như nhiều chư tăng Phật học tại các nước như Thái Lan, Campuchia, Myanmar, Srilanka, Ấn Độ...; nhiều tín đồ Hồi giáo người Chăm được tham gia các cuộc thi đọc Kinh Qu'ran quốc tế tại Thái Lan, Brunei, Malaysia, Indonesia, các hội nghị, hội thảo quốc tế về Hồi giáo, du học giáo lý tại các nước Hồi giáo...

134. Tỷ lệ người dân tộc thiểu số tham gia vào lĩnh vực chính trị tiếp tục tăng. Tỷ lệ người dân tộc thiểu số trúng cử đại biểu Quốc hội nhiệm kỳ 2021 – 2026 đạt tỷ lệ cao nhất trong 15 năm nhiệm kỳ Quốc hội (chiếm 17,84% tổng số đại biểu Quốc hội trong khi đó dân số các dân tộc thiểu số chỉ chiếm 14% tổng dân số Việt Nam). Đặc biệt, trong nhiệm kỳ Quốc hội 2021 – 2026, lần đầu tiên Quốc hội Việt Nam có thêm đại diện của 02 dân tộc thiểu số rất ít người (Lự và Brâu). Tính đến năm 2020, tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là 13% trên tổng số biên chế, số lượng người làm việc được giao. Tỷ lệ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là 16,91%, cấp huyện là 18,29% và cấp xã là 22,14%. Trong đó, nhiều cán bộ là người dân tộc thiểu số giữ cương vị chủ chốt như Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc... Người dân tộc thiểu số được tham gia vào các hoạt động quản lý nhà nước, quản lý xã hội một cách trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo những quy định cụ thể, rõ ràng.

135. Báo cáo này là các thông tin chính thức của Nhà nước Cộng hòa xã hội nghĩa Việt Nam, thể hiện những phát triển và nỗ lực của Việt Nam trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm và thúc đẩy các quyền dân sự và chính trị. Việt Nam yêu cầu Ủy ban Nhân quyền xem xét, đánh giá và ghi nhận một cách khách quan nhất những kết quả mà Việt Nam đã đạt được trong giai đoạn báo cáo./.